

PHẦN II : GIAI ĐOẠN 1928 – 1937.

CHƯƠNG I : BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ TÌNH HÌNH VĂN HỌC .

I. Bối cảnh lịch sử

Tháng 6-1927 Tưởng bực phạt thành công, thành lập chính quyền quân phiệt tại Bắc Kinh. Về đối nội, Tưởng lo đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo. Về đối ngoại, Tưởng dựa hẳn vào sự ủng hộ của Âu – Mỹ để thắng tay tiêu diệt Đảng cộng sản, đối phó với sự mở rộng xâm lược của quân phiệt Nhật.

Nhật tăng cường mở rộng xâm lược tại Trung Quốc : chiếm Đông Tam Tỉnh (1931), tiến đánh Ngô Tùng (1932), lập Mãn Châu quốc, tôn Phổ Nghi lên làm vua, chiếm Nhiệt Hà để khống chế cả Hoa Bắc. Trước sức tiến quân của quân đội Nhật, quân Tưởng luôn thất bại.

Từ mùa xuân đến mùa hạ 1927, tập đoàn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ lần lượt phản bội cách mạng, chúng triệt để dựa vào đế quốc tiến hành những cuộc tàn sát đẫm máu. Theo thống kê chưa đầy đủ, đến trước 1932, số đảng viên cộng sản và nhân dân cách mạng bị giết hại hơn một triệu người.

Cách mạng Trung Quốc đã bước vào thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai do giai cấp vô sản độc tôn lãnh đạo. Kinh qua cuộc khởi nghĩa Nam Xương và khởi nghĩa mùa thu, Đảng cộng sản thành lập Hồng quân, thành lập các căn cứ địa cách mạng ở nông thôn tại các vùng Cấn (Giang Tây), Mân (Phước Kiến), Tương (Hồ Nam), Ngạc (Hồ Bắc), Dự (Hoà Nam), thành lập các Xô Viết, chia ruộng đất cho dân nghèo, phát triển đấu tranh vũ trang, đập tan nhiều cuộc “vây quét” của Quốc dân đảng, lực lượng hồng quân ngày càng lớn mạnh.

Tháng 11-1931 thành lập Cộng hoà Xô Viết tại Giang Tây. Trước sự tấn công điên cuồng của Quốc dân đảng, năm 1934, Cộng hoà Xô Viết phải bỏ Giang Tây, dời lên Thiểm Tây, tiến hành cuộc “Vạn lý trường chinh”, vượt mười hai ngàn cây số, qua 11 tỉnh, nhiều chỗ là núi tuyết và đầm lầy, chưa có vết chân người, chiếm 54 thành phố, chiến đấu trên 400 trận, hy sinh gần 6 vạn chiến sĩ. Đầu năm 1936, thành lập chính phủ ở Thiểm Cam Ninh (Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ), Diên An là thủ đô của cách mạng.

Trước sự mở rộng xâm lược của phát xít Nhật, Đảng cộng sản đề nghị liên minh hợp tác để chống Nhật, Tưởng không chịu vì quyết tâm tiêu diệt cách mạng. Giữa lúc đó thì xảy ra vụ Lư Cầu Kiều : Đêm 7-7-1937, một tiểu đội quân đội Nhật đi qua Lư Cầu Kiều bị đánh, quân Nhật lấy cớ chiếm thành, đưa tối hậu thư buộc chính phủ Tưởng phải rút quân khỏi Hoa Bắc, mất quyền tại năm tỉnh Sát Cáp Nhĩ, Tuy Viễn, Hà Bắc, Hà Nam và Sơn Đông. Tưởng không chịu. Quân Nhật đã chuẩn bị trước, tiến như vũ bão : 7-1937 chiếm Bắc Kinh, tháng 10 chiếm Thượng Hải, tháng 11 chiếm Nam Kinh. Tưởng buộc phải hợp tác với Đảng cộng sản để chống lại sự xâm lược của Nhật.

II. Tình hình văn học

1. Phong trào văn học Cách mạng vô sản và liên minh các nhà văn cánh tả ở Trung Quốc.

a. Cuộc phát động văn học vô sản và sự ra đời liên minh các nhà văn cánh tả Trung Quốc.

Từ mùa xuân đến mùa hạ năm 1937, tập đoàn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ lần lượt phản bội cách mạng. Cách mạng Trung Quốc đã bước vào thời kỳ chiến tranh cách mạng trong

nước lần thứ hai do giai cấp vô sản độc tôn lãnh đạo mà hình thức chủ yếu của nó là lấy vũ trang nông thôn làm cơ sở và thực hiện cách mạng ruộng đất. Trong các lĩnh vực khoa học xã hội, triết học và văn học nghệ thuật, ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp vô sản không ngừng tăng lên. Sách báo tiến bộ đã tăng số lượng xuất bản, mở rộng phạm vi lưu thông. Vào khoảng trước sau năm 1929, xuất hiện cao trào dịch và xuất bản sách lý luận chủ nghĩa Mác. Rất nhiều trước tác kinh điển quan trọng của chủ nghĩa Mác như *Tư bản luận* (quyển 1), *Chống Duyrinh*, *Phơbách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức* (khi đó dịch là *Phơbách luận*), *Nguồn gốc của chế độ tư hữu gia tộc và nhà nước*, *Nhà nước và cách mạng*, *Chủ nghĩa đế quốc và giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (lúc đó dịch là *Tư bản chủ nghĩa tối cao giai đoạn đế quốc chủ nghĩa luận*), *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, đều có bản dịch tiếng Trung.

Trong toàn bộ phong trào văn hoá cánh tả, phong trào văn học cánh tả là một bộ phận rất quan trọng. Việc đề xướng văn học cách mạng vô sản năm 1928 lại là điểm bắt đầu sớm nhất của phong trào này. Từ tháng 1-1928, Thái dương xã được chỉnh đốn lại từ Sáng tạo xã và do Tưởng Quang Từ và Tiền Hạnh Thôn tổ chức chính thức bắt đầu khởi xướng phong trào văn học vô sản trên các tập san như *Sáng tạo nguyệt san*, *Văn hoá phê phán* và *Thái dương nguyệt san*.

Các bài văn được phát biểu sớm nhất như *Cây anh hùng* của Quách Mạt Nhược¹, *Từ văn học cách mạng đến cách mạng văn học* của Thành Phương Ngô², *Về văn học cách mạng* của Tưởng Quang Từ³, *Xây dựng văn học cách mạng như thế nào?* của Lý Sư Lê⁴, từ nhiều phương diện họ đã trình bày các chủ trương cơ bản có liên quan với văn học cách mạng vô sản. Phùng Nãi Siêu, Tiền Hạnh Thôn, Hoa Hán (Dương Hàn Sinh) cũng lần lượt viết bài để thuyết minh thêm. Họ dựa vào nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Văn học là một trong những thượng tầng kiến trúc luôn biến đổi theo sự biến đổi của cơ sở kinh tế xã hội và đấu tranh cách mạng, và chỉ ra rằng giai cấp vô sản đã trở thành “người chỉ đạo cách mạng” Trung Quốc, văn học cách mạng vô sản vừa “không cần chủ trương của ai, lại càng không phải là sự đoán của ai”. Họ lại dựa vào nguyên lý: tất cả văn học đều có tính giai cấp, đều phục vụ cho một giai cấp nhất định, để nhấn mạnh “tất cả văn học, đều là tuyên truyền”, văn học vô sản phải là “vũ khí của giai cấp”, cần phải đấu tranh “để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp chủ thể”⁵. Những ý kiến này đã trình bày sơ bộ nguyên nhân xã hội sản sinh ra nền văn học cách mạng vô sản, đồng thời cũng sơ bộ xác định rõ ràng tính chất và nhiệm vụ cơ bản của văn học cách mạng vô sản. Những người khởi xướng cho rằng tiền đề trước tiên sáng tạo ra văn học cách mạng vô sản là ở chỗ nhà văn cách mạng phải xác lập được lập trường và thế giới quan của giai cấp vô sản. Họ yêu cầu mọi người cố gắng tiếp thu được ý thức giai cấp vô sản, cố gắng tiếp thu được duy vật luận của phép biện chứng”⁶. Họ còn chỉ ra rằng chỉ có trải qua phê phán và đấu tranh, phong trào cách mạng vô sản mới có thể triển khai thắng lợi.

Văn học cách mạng của giai cấp vô sản do Sáng tạo xã và Thái dương xã đề xướng là một phong trào văn học mới nhằm thoát khỏi tư tưởng tư sản, cũng là một phong trào tư tưởng tuyên truyền nguyên lý của chủ nghĩa Mác với qui mô trước đây chưa từng có. Việc đẩy lên phong trào cách mạng vô sản chứng tỏ trong các nhà văn cấp tiến nhất đã nhận thức rõ ràng sứ mệnh lịch sử này. Đây là sự phát triển to lớn và quan trọng của phong trào văn học mới từ Ngũ tứ trở về sau. Chính vì vậy, sau khi khẩu hiệu

¹ *Sáng tạo nguyệt san*, quyển 1, kỳ 8, tháng 1 năm 1928, ký tên là Mạnh Khắc Ngang.

² *Sáng tạo nguyệt san*, quyển 1, kỳ 9, tháng 2 năm 1928.

³ *Thái dương nguyệt san*, tháng 2 năm 1928, ký tên Tưởng Quang Từ.

⁴ *Văn hoá phê phán*, tháng 2 năm 1928.

⁵ Lý Sư Lê: *Xây dựng văn học cách mạng như thế nào?*

⁶ Đề cập xem bài văn của Thành Phương Ngô: *Từ cách mạng văn học đến văn học cách mạng*.

nêu lên được sự hưởng ứng nhanh chóng và ủng hộ rộng rãi cả bên trong lẫn bên ngoài hai tổ chức văn học, trên các tạp chí lần lượt xuất bản như *Lưu sa*, *Chiến tuyến*, *Qua bích* (vùng sa mạc), *Hồng lưu*, *Ngã môn nguyệt san*, *Cơ hình*, *Ma lạc*, *Bành bái* và *Thái đông nguyệt san*, đều triển khai tuyên truyền và thảo luận nhiệt tình, từ đó hình thành thanh thế to lớn.

Do nhận thức chưa rõ các vấn đề tính chất xã hội Trung Quốc đương thời và nhiệm vụ cách mạng, nên Sáng tạo xã và Thái dương xã khi đề xướng phong trào văn học vô sản, đầu tiên đã chĩa mũi nhọn phê phán vào Lỗ Tấn. Họ đã mơ hồ ranh giới giữa hai loại cách mạng dân chủ chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, đều nhất loạt coi giai cấp tư sản, thậm chí giai cấp tiểu tư sản là đối tượng cách mạng, xem văn học mới của Ngũ tứ là văn học tư sản và phủ định, cho rằng đối với các nhà văn như Lỗ Tấn, Diệp Thánh Đào, Ưc Đạt Phu đều nhất thiết phải tiến hành phê phán. Họ không những xem Lỗ Tấn là “người lạc ngũ của thời đại”, là kẻ “phát ngôn tốt nhất” của giai cấp tư sản, mà còn nói Lỗ Tấn là “tàn dư phong kiến”, là “phản cách mạng hai mặt đối với chủ nghĩa xã hội”¹. Sở dĩ xuất hiện những sai lầm này là ngoài việc vận dụng câu từ của chủ nghĩa Mác – Lênin một cách giáo điều, đối với thực tế xã hội Trung Quốc và thực tế cách mạng thiếu hiểu biết ra, cũng còn có quan hệ mật thiết với ảnh hưởng đường lối của Cù Thu Bạch đương thời đang chiếm địa vị thống trị trong Đảng và đường lối “tả” khuynh của Phúc Bản Hoà Phu, đảng viên Đảng cộng sản Nhật Bản. Sau này, Lỗ Tấn khi phân tích nguồn gốc sinh ra sai lầm của Sáng tạo xã ... đã từng nói : “Họ chưa hề phân tích tỉ mỉ xã hội Trung Quốc mà vận dụng một cách máy móc những phương pháp mà chỉ có dưới hình thức chính quyền Xô viết mới có thể vận dụng được”².

Việc phê phán Lỗ Tấn do Sáng tạo xã và Thái dương xã phát động dẫn đến cuộc tranh luận trong nội bộ mặt trận văn học mới kéo dài hơn một năm trời. Lỗ Tấn giữ thái độ hoàn toàn khẳng định đối với văn học cách mạng hoặc văn học vô sản.

Sáng tạo xã còn tranh luận với Mao Thuấn. Sau khi đại cách mạng thất bại, Mao Thuấn có một thời tư tưởng buồn phiền, trong sáng tác đã lộ ra tâm trạng tiêu cực, về chủ trương văn học lại nhấn mạnh phái biểu hiện sự đau khổ của giai cấp tiểu tư sản, cần phải suy nghĩ nhiều cho độc giả tiểu tư sản. Các thành viên của Sáng tạo xã đã kịp thời phê bình những khuynh hướng không đúng đắn trong sáng tạo và chủ trương lý luận đương thời của Mao Thuấn. Nhưng cho rằng các tác phẩm của Mao Thuấn là “căn bản chống lại giai cấp vô sản”³ thì lại biểu hiện ra khuynh hướng thiên lệch. Ngoài ra, Sáng tạo xã còn tranh luận với Ưc Đạt Phu, người đã rút khỏi Sáng tạo xã; giữa Thái dương xã và Sáng tạo xã cũng đã từng xảy ra cuộc tranh chấp vấn đề ai là người đề xướng văn học cách mạng sớm nhất. Các cuộc tranh luận này cũng đều biểu lộ tư tưởng bè phái và quan điểm riêng biệt phe phái giữa các đoàn thể văn nghệ.

Con đường giải quyết đúng đắn những vấn đề này, ngoài việc đi sâu vào thực tiễn cách mạng ra, vẫn là tăng cường học tập chủ nghĩa Mác. Trong bài *Tám biển* Lỗ Tấn viết vào thời kỳ đầu của cuộc tranh luận đã chỉ ra : “Giới phê bình văn nghệ muốn thi nhau ai tinh mắt, cũng phải có tám biển đó treo lên đã mới được. Còn tranh cãi vu vơ, thì bên nào cũng chỉ rõ bên ấy thôi”. Từ mùa hạ năm 1928 trở đi, ông đã dốc sức vào công việc phiên dịch giới thiệu các tác phẩm lý luận văn nghệ của chủ nghĩa Mác. Các nhà văn của Sáng tạo xã cũng lần lượt dịch và giới thiệu một loạt các trước tác bàn về văn nghệ

¹ Các đoạn văn trích ở trên xem Khiêu vũ trên bàn, Lời tựa tạp chí Lưu sa, *Trả Lời Lỗ Tấn (Mung lung trong ánh mắt say)*, *Phần tử phong kiến sót lại trên mặt trận văn nghệ*.

² *Nhi tâm tập: Nhìn qua văn nghệ Thượng Hải*.

³ Khắc Hưng, *Sai lầm của lý luận văn nghệ tiểu tư sản*. Phê bình bài *Từ Cổ Lĩnh đến Đông Kinh* của Mao Thuấn. *Sáng tạo nguyệt san*, quyển 2, kỳ số 5, tháng 12 năm 1928.

khoa học. Lý luận văn nghệ của chủ nghĩa Mác đã được dịch và giới thiệu với qui mô lớn, cũng chính là một thu hoạch quan trọng của cuộc tranh luận này.

Mùa thu năm 1929, Đảng đã chỉ thị cho các thành viên cũ của Sáng tạo xã, Thái dương xã và Lỗ Tấn cùng với cả các nhà văn chịu ảnh hưởng của Lỗ Tấn và trên cơ sở thành viên của 3 nhóm này thành lập tổ chức thống nhất của các nhà văn cách mạng.

Ngày 2 tháng 3 năm 1930, Liên minh các nhà văn cánh tả Trung Quốc (gọi tắt là Tả liên) đã thành lập tại Thượng Hải. Đây là một việc lớn trong lịch sử văn học hiện đại Trung Quốc, đánh dấu nền văn học cách mạng đã bước sang một giai đoạn phát triển mới, cũng đánh dấu sự tăng cường lãnh đạo của giai cấp vô sản Trung Quốc và đội tiền phong của nó, Đảng cộng sản Trung Quốc đối với sự nghiệp văn nghệ cách mạng. Hơn bốn mươi người có mặt trong cuộc thành lập (lúc đó hơn 50 người gia nhập Liên minh, nhưng một số do có công việc nên vắng mặt). Hội nghị đã thông qua cương lĩnh lý luận và cương lĩnh hành động. Cương lĩnh lý luận tuyên bố :

Nghệ thuật của chúng ta không thể không hiến dâng cho cuộc đấu tranh đẫm máu “thắng lợi hay là chết”.

Nếu nghệ thuật lấy buồn vui sướng khổ của nhân loại làm nội dung, thì nghệ thuật của chúng ta không thể không lấy tình cảm của giai cấp vô sản trong xã hội có giai cấp đen tối “thời trung thế kỷ” này làm nội dung.

Vì thế, nghệ thuật của chúng ta là vừa chống giai cấp phong kiến, chống giai cấp tư sản lại vừa phản đối khuynh hướng của giai cấp tiểu tư sản “đã mất địa vị xã hội”. Chúng ta không những không ủng hộ mà còn thúc đẩy xuất hiện nghệ thuật của giai cấp vô sản¹.

Đại hội quyết định liên hệ với phong trào văn nghệ cánh tả quốc tế, xác lập quan hệ mật thiết với các đoàn thể cách mạng trong nước và thành lập các cơ cấu như Hội nghiên cứu lý luận văn nghệ chủ nghĩa Mác, Hội nghiên cứu văn hoá quốc tế, Hội nghiên cứu đại chúng hoá văn nghệ.

Tả liên từ sau khi thành lập đã lần lượt xuất bản các tập san như *Người khai hoang*, *Manh nha nguyệt san*, *Văn học nguyệt báo*, *Núi ban ti*, *Thế giới văn hoá*, *Ngã tư đường*, *Bắc đấu*, *Văn học nguyệt báo* và bí mật phát hành các tạp chí như *Văn học đạo báo* (số đầu gọi là *Tiền tiêu*), *Văn học* (bán nguyệt san), còn cải tổ hoặc tiếp tục phát hành các tạp chí định kỳ như *Đại chúng văn nghệ*, *Niên đại tiểu thuyết*, *Văn nghệ tân văn*. Còn về báo chí do thành viên của Tả liên trực tiếp chủ trì biên tập và xuất bản, thì số lượng ngày càng nhiều. Tả liên đã thiết lập phân hội tại hai nơi : Bắc Kinh và Đông Kinh, thành lập các nhóm ở Quảng Châu, Thiên Tân, Vũ Hán, Nam Kinh. Các thành viên tăng lên không ngừng, đã thu hút hàng loạt các thanh niên văn nghệ cánh tả. Tả liên là một tổ chức thống nhất của các nhà văn cách mạng được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng để khắc phục tâm trạng bẽ phái, triển khai rộng rãi phong trào cách mạng của giai cấp vô sản. Sự xuất hiện của nó đối với nền văn học cách mạng hiện đại của Trung Quốc có một ý nghĩa vô cùng sâu xa.

Do công tác văn nghệ có tính quần chúng rất lớn và cũng do công tác văn nghệ cách mạng của thời kỳ này rất sôi động, nên sự phá phách của Quốc dân đảng đối với phong trào văn học cách mạng của giai cấp vô sản cũng vô cùng tàn khốc và hiểm độc. Chỉ trong mùa thu năm thành lập Tả liên, diễn viên hí kịch cánh tả Tông Huy bị sát hại ở Nam Kinh. Ngày 7-2 năm sau, nhà công tác văn hoá cánh tả

¹ Đăng trên *Manh nha nguyệt san*, quyển 1, kỳ 4, trong dòng văn “lại vừa phản bội khuynh hướng của giai cấp tiểu tư sản đã mất địa vị xã hội”, nhưng trên *Người vỡ hoang*, quyển 1, kỳ 3 lại phản đối “khuynh hướng của giai cấp tiểu tư sản có địa vị xã hội vững chắc”. Theo đường sự là Phùng Nãi Siêu nhớ lại thì nên là “mất địa vị xã hội” mới đúng.

Lý Vĩ Sâm (Lý Cầu Thực)¹ và thành viên của Tả liên như Nhu Thạch, Hồ Dã Tần, Ân Phú bị ám hại tại Bộ tư lệnh cảnh vệ Quốc dân đảng Long Hoa, Thượng Hải. Tháng 5-1933, bọn đặc vụ Quốc dân đảng ở Thượng Hải đã bắt giữ phi pháp các nhà văn Đinh Linh, Phan Tử Viên và sát hại nhà thơ Ứng Tu Nhân ngay tại chỗ. Cũng năm đó nhà văn Hồng Linh bị hại tại Bắc Bình, nhà thơ Phan Mạc Hoa bị bắt tại Thiên Tân, năm sau hy sinh trong nhà giam Thiên Tân. Các nhà văn thanh niên làm văn nghệ khắp nơi cũng bị bắt, sát hại và tù đầy, nhiều không sao tính chính xác được. Ngoài ra chính phủ phản động Quốc dân đảng còn kiểm duyệt và cấm các tác phẩm văn nghệ cách mạng, phá huỷ các cơ quan văn nghệ tiến bộ, chỉ trong tháng 2-1934 đã kiểm tra và cấm gần 150 đầu sách báo văn nghệ, các tác phẩm bị cơ quan kiểm duyệt của Quốc dân đảng bắt giữ và cắt xén, sửa lại, càng không thể kể hết số lượng. Từ sau khi Sáng tạo xã đóng cửa vào tháng 2-1929 và Nghệ thuật kịch xã đóng cửa tháng 4-1930, sự phá hoại đối với các cơ quan văn nghệ tiến bộ càng diễn ra ác liệt, các thủ đoạn ngày càng bỉ ổi, cay độc. Năm 1933, bọn đặc vụ Quốc dân đảng đã phá huỷ Công ty điện ảnh Nghệ Hoa, Thượng Hải, đồng thời đe dọa các rạp chiếu bóng ở Thượng Hải không được chiếu các phim do Điền Hán, Thẩm Đoan Tiên đạo diễn. Các hiệu sách Hồ Phong, Bắc Tân, Lương Hữu cũng lần lượt bị đóng cửa và bị phá huỷ.

Chính trong hoàn cảnh gian khó hiểm nghèo như vậy, Tả liên đã giương cao ngọn cờ văn học cách mạng, của giai cấp vô sản, chiến đấu anh dũng và đã giành được thành tựu vẻ vang. Dưới sự thống trị của màn lưới văn hoá vô cùng nghiêm ngặt của bọn phản động, Quốc dân đảng, một số báo chí tập san của Tả liên thường xuyên thay đổi tên gọi, tiếp tục xuất bản. Tả liên còn chú trọng công tác phê bình lý luận, nỗ lực truyền bá lý luận văn nghệ chủ nghĩa Mác, triển khai cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên mặt trận văn nghệ. Trong thời kỳ này, các nhà văn cách mạng lấy lý luận chủ nghĩa Mác làm vũ khí tấn công địch giành thắng lợi, đã lần lượt đấu tranh với các phái văn nghệ phản động như Tân nguyệt phái, Phong trào văn nghệ chủ nghĩa dân tộc phát xít, Người tự do, Loại người thứ ba, hoặc các chủ trương văn nghệ sai lầm khác.

Đồng thời về mặt sáng tác, Tả liên cũng thu được những thành tựu xuất sắc. Các nhà văn bắt đầu hoạt động văn học từ thời Ngũ tứ hoặc sau đó một ít được thử thách trong cuộc đấu tranh cách mạng mới, thế giới quan có thay đổi, bộ mặt của tác phẩm cũng theo đó mà thay đổi. Tập cảm và tiểu thuyết lịch sử, *Chuyện cũ viết lại* của Lỗ Tấn về mặt tư tưởng và nghệ thuật có những tìm tòi và tiến triển mới. Trong cuộc đấu tranh chính trị căng thẳng, tập cảm của ông càng thể hiện sức mạnh phê phán sắc bén. *Nửa đêm* và một số truyện ngắn của Mao Thuần là thành tựu quan trọng về sáng tác tiểu thuyết trong thời kỳ này. Tưởng Quang Từ cũng viết các tác phẩm tương đối ưu tú như *Đất đại gấm hét*. Dưới sự bồi dưỡng của Tả liên các nhà văn mới đã không ngừng xuất hiện. Phần đông họ được tắm mình trong trào lưu tư tưởng mới của Ngũ tứ, dần dần bước lên con đường văn học, và có quan hệ máu thịt với truyền thống văn học mới Ngũ tứ. Sau khi phong trào văn học cách mạng của giai cấp vô sản bắt đầu dấy lên, họ đã chính thức bắt đầu sáng tác văn học và mang đến cho văn đàn nhiều tác phẩm có sức sống mạnh mẽ. Trong đó có những người như Trương Thiên Dực, Ân Phú, Diệp Tử, Sa Thinh, Ngải Vu đã trở thành những nhà văn quan trọng đương thời và sau này. Sự thay đổi nổi bật nhất về sáng tác văn học thời kỳ này là xuất hiện nhiều đề tài và chủ đề có ý nghĩa xã hội trọng đại. Cuộc đấu tranh anh dũng của những người cách mạng và quần chúng công nhân đã trở thành nội dung được nhiều nhà văn cố gắng miêu tả. Các sáng tác phản ánh đời sống công nhân đã tập trung vạch trần tội ác của bọn thống trị phản động và sự bóc lột của bọn tư bản và ca ngợi sự phản kháng của giai cấp công nhân. Các đề tài của cuộc sống và đấu tranh ở nông thôn, cũng dần dần trở thành đề tài sáng tác của các nhà văn. Sau “18-9” và “28-1”, các tác phẩm phản ánh yêu cầu kháng Nhật cứu quốc của nhân dân cũng dần dần tăng nhiều hơn, những

¹ Lý Vĩ Sâm không phải là thành viên Tả liên. Khi truy điệu, vì ông có liên hệ mật thiết với Tả liên, nên mới đặt chung với nhau. Về sau quen gọi là Năm liệt sĩ Tả liên.

tác phẩm này phần nhiều có tính chiến đấu mãnh liệt, tình cảm dâng cao, tinh thần lạc quan tràn trề, thể hiện đặc trưng thời đại rõ rệt.

Trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ 2, ngoài phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ra, còn có hoạt động của các nhà văn dân chủ cách mạng hoặc tiến bộ chịu ảnh hưởng của nó và phối hợp với nó. Họ lần lượt xuất bản không ít các tạp chí văn nghệ, trong đó có các tạp chí như *Văn học* (Trịnh Chấn Đạc và Vương Thống Chiếu chủ biên), *Văn học quý san* (Trịnh Chấn Đạc chủ biên), *Văn tòng* (Cận Dĩ chủ biên), trong đó tờ *Văn học*, thời gian xuất bản lâu nhất và ảnh hưởng cũng lớn nhất. Ngoài *Tác văn khố* của sinh hoạt thư điểm và *Văn học tòng thư* do Ba Kim chủ biên đều đã biến động và xuất bản được nhiều tác phẩm ưu tú có cống hiến cho sự nghiệp văn học. Có những tác phẩm kiệt xuất như *Gia đình* của Ba Kim, *Lôi vũ* và *Nhật xuất* của Tào Ngu, *Tường Tử lạc đà* của Lão Xá. Nội dung sáng tác của họ phần nhiều là phê phán thẳng thừng hiện thực đen tối của Trung Quốc cũ, công kích vào sự đồi bại và truy lạc của xã hội thượng tầng, khắc hoạ những nỗi bất hạnh và khổ đau của nhân dân tầng lớp dưới; có tác phẩm còn biểu thị niềm mơ ước về tương lai tươi sáng. Các tác phẩm của họ, xét về bề rộng và bề sâu của hiện thực được phản ánh, xét đến ý nghĩa xã hội của tác phẩm, so với thời kỳ trước đây, nhiều tác phẩm đã có sự tiến bộ rõ rệt. Họ là đội quân đồng minh đáng tin cậy của phong trào văn học cách mạng của giai cấp vô sản. Những tác phẩm của họ là một bộ phận quan trọng tạo thành nền văn học dân chủ mới chống đế quốc và chống phong kiến của quảng đại nhân dân Trung Quốc.

b. Cuộc đấu tranh đối với phái Tân nguyệt và “Phong trào văn nghệ theo chủ nghĩa dân tộc” phát xít.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường của giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trên mặt trận văn nghệ lại càng kịch liệt và căng thẳng chưa từng có. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các nhà văn cách mạng, dựa vào qui luật đấu tranh giai cấp, đã tự giác lao vào các cuộc đấu tranh này, đã giành được nhiều chiến quả ngày càng vẻ vang.

Đầu tiên tấn công vào phong trào văn học cách mạng của giai cấp vô sản là phái Tân nguyệt. Năm 1923, Tân nguyệt xã được thành lập tại Bắc Kinh, với tư cách là đoàn thể văn học. Trong nguyệt san Tân nguyệt và Hiện đại văn hoá tòng thư họ đã tuyên truyền rùm beng chủ trương chính trị, văn hoá và tư tưởng văn nghệ của chủ nghĩa tự do của giai cấp tư sản Anh, Mỹ, tuyên bố Trung Quốc căn bản không tồn tại thế lực phong kiến và sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, sự lạc hậu của Trung Quốc là do năm “quỷ ác” lớn “bần cùng, tật bệnh, ngu muội, tham ô, nhiễu loạn” tạo nên, dùng cái gọi là “nhân quyền” và “ước pháp” để phản đối cách mạng bạo lực của nhân dân, phỉ báng chủ nghĩa cộng sản là “phóng lửa giết người”.

Tháng 3-1928, đúng vào dịp phong trào văn học cách mạng của giai cấp vô sản bắt đầu khởi xướng thì *Tân nguyệt san* cũng ra số đầu tiên. Trong lời phi lộ *Thái độ của Tân nguyệt* do Từ Chí Ma chấp bút, họ than vãn “thời đại này là ở trạng thái biến động, trạng thái bệnh hoạn, trạng thái không bình thường, là một năm “mất mùa”, “hỗn loạn”, trong vườn văn hoá thì toàn là những “cành phụ sum xuê”, “cây mây, cây song rậm rạp”, không nhìn thấy “thân gốc cây thẳng”, “bóng to tán rậm”, trên văn đàn toàn là một số “phái công lợi”, “phái công kích”, “phái thiên kiến”, “phái cuồng nhiệt”, “phái buôn bán vật”, “phái biểu ngữ”, “phái chủ nghĩa”. Họ cho rằng đây là “có sự tự do tuyệt đối” tạo nên, quyết không thể vì “một qua niệm tự do sai lạc cản trở”, mà không khừ đi tận gốc bất cứ lúc nào. Họ nêu lên hai nguyên tắc “lành mạnh” và “tôn nghiêm”, hy vọng nhờ vào đó để “kêu gọi những người đang do dự trước ngã ba đường”, “tiêu diệt tất cả các mầm bệnh làm xói mòn tư tưởng và cuộc sống”. Tháng 6 cùng năm, đúng lúc văn học cách mạng của giai cấp vô sản từ lúc khởi xướng ban đầu phát triển nhanh thành

phong trào có khí thế rầm rộ, thì Lương Thực Thu lại chính thức ra quân trong bài *Văn học và cách mạng* nói nào là “văn học cách mạng”, “văn học của giai cấp vô sản” căn bản không thể hình thành, bởi vì “trong con mắt của các nhà văn học thật ra không chứa đựng quan niệm giai cấp cố định, càng không chứa đựng thành kiến mưu lợi ích cho một giai cấp nào đó”, bởi vì “nền văn học vĩ đại vẫn là dựa vào nhân tính phổ biến cố định”. Y lại nói “Trung tâm của văn học là chủ nghĩa cá nhân”, vì thế “đại đa số không có văn học, văn học không phải là của đại đa số”. Sử dụng nhân tính luận để phản đối giai cấp luận, phản đối văn học cách mạng của giai cấp vô sản.

Mặt trận văn học cách mạng lập tức đã chống lại sự tấn công của phái Tân nguyệt. Tờ *Chiến tuyến* do Đảng lãnh đạo, đầu tiên chỉ ra đây là sự kêu gào của “Giai cấp tư sản truy lạc khuất phục trước quyền uy của bọn thống trị”¹. Tiếp theo, Bành Khang của Sáng tạo xã phát biểu bài *Lành mạnh và tôn nghiêm là gì?* Chỉ ra rằng các giai cấp đối lập với sự cải cách xã hội tất nhiên sẽ có những thái độ đối lập, trong thời đại có sự vật lộn giữa thế lực cũ và mới, “chi phối giai cấp bất kể là dùng thủ đoạn tinh xảo cay đắng như thế nào, vẫn không thể nào ngăn cản được lịch sử tiến triển”. Bành Khang còn nhấn mạnh thêm: “Làm nhục sự tôn nghiêm của họ nghĩa là giai cấp cách mạng mới trời dấy đã giành được sự tôn nghiêm; “phương hại” đến sự “lành mạnh”² của họ nghĩa là giai cấp cách mạng mới trời dấy tăng tiến thêm sự lành mạnh”. Phùng Nãi Siêu viết bài *Đầu óc lạnh lùng* đã vạch ra, bản thân phương pháp mà Lương Thực Thu gọi là “Đại đa số sẽ không có văn học, văn học sẽ không phải là của đại đa số” chính là “nói hết” bí mật của “tính giai cấp” chi phối văn học, bởi vì cái mà ông ta hiểu được gọi là văn học hầu hạ giai cấp thượng lưu”³. Từ tháng 9 trở đi, Lương Thực Thu đã viết liên tục hơn 10 bài văn dài ngắn khác nhau như: *Văn học có tính giai cấp không?*, *Bàn về dịch cứng nhắc của Lỗ Tấn tiên sinh* tiếp tục đề cao nhân tính luận. Trong những bài văn này, Lương Thực Thu đã tập trung công kích lý luận văn nghệ của chủ nghĩa Mác, phản đối “người cộng sản đem công thức lý luận này miễn cưỡng đặt vào trong lĩnh vực văn nghệ”. Các nhà văn cách mạng đã triển khai cuộc phản kích mạnh mẽ hơn đối với phái Tân nguyệt. Phùng Nãi Siêu trong bài viết: *Nghệ thuật của xã hội giai cấp* nhằm đúng nhân tính luận của Lương Thực Thu, trình bày một cách toàn diện tính giai cấp của văn nghệ, vạch ra những lời nói của Lương Thực Thu chẳng qua đang chứng minh bản thân ông ta là “tay sai của các nhà tư sản”⁴. Lỗ Tấn đã từ lâu có nhiều trận giao phong với bọn thân sĩ này, trước đây không lâu còn bác bỏ luận điểm của cái gọi là văn nghệ cần phải tả nhân tính vĩnh viễn không đổi của Lương Thực Thu⁵. Lần này ông đã vận dụng thành thạo hơn vũ khí tư tưởng của chủ nghĩa Mác, lần lượt viết các bài *Nhiệm vụ của nhà phê bình Tân nguyệt xã*, *Dịch cứng nhắc với tính giai cấp của văn học*, tập trung bác bỏ cái mà Lương Thực Thu gọi là tính giai cấp chỉ là quan điểm lý luận văn nghệ của giai cấp vô sản gán bừa lên nhân tính luận của văn học mà thôi. Ông nói: “Văn học không dựa vào con người thì không thể nào biểu hiện được cái tính, mà đã dùng con người, lại là con người trong xã hội có giai cấp, thì nhất định không thể tránh bỏ được tính giai cấp của nó, không cần phải “ràng buộc”, thực là lẽ tất nhiên phải như thế. Đương nhiên “vui giận, bi ai, hoan lạc là của con người”, song người nghèo quyết không có cái buồn phiền, buồn bán thua lỗ ở sở giao dịch, các ông vua dầu mỏ đâu biết được nỗi cực khổ của các bà già nhặt xỉ than ở Bắc Kinh từng chịu đựng, các nạn nhân vùng đói sẽ chẳng bao giờ lại đi trồng hoa lan, giống như các quý ông nhà giàu, Tiểu Đại ở phủ họ Giả cũng không yêu cô Lâm Đại Ngọc”. Lỗ Tấn còn vạch rõ: “Nếu như nói, vì chúng ta là người cho nên lấy việc biểu hiện nhân tính làm giới hạn, như thế thì người vô sản chân chính vì giai cấp vô sản cho nên cần phải làm văn học vô sản”. Còn như luận điệu

¹ *Thiên biên đích Tân nguyệt* – tuần báo Chiến tuyến, quyển 1, kỳ 3, ngày 15-4-1928.

² *Sáng tạo nguyệt san*, quyển 1, kỳ 12, tháng 7-1928.

³ *Sáng tạo nguyệt san*, quyển 2, kỳ 1, tháng 8-1928.

⁴ *Người vỡ hoang*, quyển 1, kỳ 2, tháng 2 năm 1930.

⁵ *Bài văn học và mồ hôi*, tuần báo Ngũ ti, quyển 1, kỳ 5, ngày 14 tháng 1 năm 1930.

của Lương Thực Thu ở trong bài này “nguyên ý làm thủ tiêu tính giai cấp văn học, nêu cao chân lý. Nhưng ông ta lại lấy tư sản làm tổ tông của văn minh, còn cho người nghèo là căn bã của hèn kém, chỉ cần liếc qua cũng biết đó là vũ khí “đấu tranh của các nhà tư sản”¹. Trong cuộc tranh luận, Lỗ Tấn còn vạch trần lập trường chính trị của phái Tân nguyệt tình nguyện làm “những tên đao phủ và tay sai” cho bọn phản động để “duy trì việc trị an” của chúng². Khi Lương Thực Thu nói: “Người vô hoang bảo tôi là chó của nhà tư bản, ... tôi còn chưa biết chủ của tôi là ai”, đồng thời nói xấu các nhà văn cách mạng đều là Đảng cộng sản, Lỗ Tấn đã ngay tức khắc chỉ rõ: Chó săn (tay sai) “không biết ai là chủ của nó chính là nguyên nhân vì sao tất cả những người giàu sang, nó đều tỏ ra hiền lành, dễ bảo và cũng là những chứng cứ tỏ rằng nó thuộc về tất cả những nhà tư bản. Cho dù không có người nuôi dưỡng, đói gầy sẽ biến thành chó hoang, nhưng vẫn là gặp mọi người giàu có, đều hiền lành, gặp mọi người nghèo đều sủa điên cuồng”. Còn khi coi đối thủ tranh luận là Đảng cộng sản, ra ám hiệu cho bọn phản động có thể bắt bớ và giết, “chẳng qua muốn mượn việc đó để giúp một tay, để cứu sự cùng quẫn của việc phê bình văn nghệ” mà thôi, điều này sẽ càng chứng tỏ loại người này đúng là “một con chó bất tài của nhà tư bản” chạy tang ...”³. Giống như lý luận của họ, các sáng tác của phái Tân nguyệt đa số cũng chỉ là một số “món hàng” phục vụ bọn thống trị phản động.

c. Phê phán đối với “người tự do” và “loại người thứ ba”.

Tháng 11 năm 1931, nghị quyết *Nhiệm vụ mới của văn học cách mạng của giai cấp vô sản Trung Quốc* được ban chấp hành Tả liên thông qua, mặc dù có chịu ảnh hưởng của đường lối “tả” khuynh của Vương Minh, nhưng đại thể cũng chỉ ra một cách xác đáng rằng: “Trong lĩnh vực văn nghệ của kẻ thù, không những chỉ chú ý đến văn học dân tộc chủ nghĩa và phái Tân nguyệt là đủ, mà cần phải chú ý đến các loại hiện tượng và tập đoàn phản động nấp dưới khuynh hướng “tả” hoặc màu “xám”⁴. Cách đó không lâu, quả nhiên đã xuất hiện một cuộc công kích mới do bọn Hồ Thu Nguyên, Tô Vấn (Đỗ Hằng) tự xưng là “người tự do”, “loại người thứ ba” phát động.

Cuối năm 1931, bài bình luận xã hội *Hịch của chân lý* trên tờ *Văn học bình luận* đã nêu rõ: “Sự hỗn loạn và những mây đen chướng khí của giới văn nghệ sẽ không còn quá quất như hôm nay nữa”. “giai cấp trí thức tự do” này quyết tâm gánh vác thiên chức phê phán tư tưởng. Họ còn nêu chiêu bài của mình “hoàn toàn đứng trên lập trường khách quan, ... không có đảng kiến nhất định, nếu có, thì đó là yêu chuộng chân lý và lòng tin”. Hồ Thu Nguyên đã phát biểu trong cùng một kỳ báo bài *Bàn về văn nghệ kiểu chó* hò hét “văn học và nghệ thuật đến chết cũng là tự do, dân chủ”, “để văn nghệ rơi tụt thành một loại máy hát của chính trị là phản bội nghệ thuật ... lấy lý luận năm năm ba mớ để cưỡng hiếp văn học là sự khinh nhờn đối với sự tôn nghiêm của văn học, không thể tha thứ được”. Không lâu, ông ta lại viết bài *Đừng xâm lược văn nghệ* rêu rao nghệ thuật chỉ có thể biểu hiện cuộc sống, không thể phát sinh bất cứ tác dụng nào đối với cuộc sống, “nghệ thuật không phải là tuyên truyền”, để cho chủ trương chính trị “phá hoại” nghệ thuật “là làm cho người ta chán chường”, đồng thời phản đối “chỉ cho một loại văn học nào đó nắm giữ văn đàn”. Tả liên dùng tờ *Tin tức văn nghệ* làm trận địa, liên tục phát biểu nhiều bài văn để đập lại. Bài *Phong trào văn hoá của người tự do*⁵ do Cù Thu Bạch chấp bút, đã vạch trần mưu đồ của bọn họ, lấy danh nghĩa “giai cấp trí thức tự do” để tranh giành quyền lãnh đạo phong trào văn hoá với giai cấp vô sản. Các bài văn đều tập trung phê phán thực chất phản động của chủ nghĩa văn nghệ là trên hết của Hồ Thu Nguyên, chỉ ra cái gọi là “đừng xâm lược văn nghệ” của ông ta nhằm

¹ *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học – Manh nha nguyệt san*, quyển 1, kỳ 3, tháng 3-1930.

² *Nhiệm vụ nhà phê bình Tân nguyệt xã – Manh nha nguyệt san*, quyển 1, kỳ 1, tháng 1-1930.

³ *Con chó bất tài của nhà tư bản chạy tang – Manh nha nguyệt san*, quyển 1, kỳ 5, tháng 5-1930.

⁴ *Văn học đạo báo* quyển 1, kỳ 8, ngày 15 tháng 11 năm 1931.

⁵ Văn nghệ tân văn số 56 ngày 23 tháng 5 năm 1932, khi phát biểu không ghi tên tác giả.

phản đối văn nghệ trở thành vũ khí đấu tranh giai cấp “là giúp cho giai cấp thống trị ... thực hiện việc công kích văn nghệ có tính giai cấp của giai cấp vô sản”, luận điệu “văn nghệ tự do” thật sự là phản đối văn nghệ phục vụ chính trị cách mạng của giai cấp vô sản. Lạc Dương (Phùng Tuyết Phong) trong *Tin tức văn nghệ* đã vạch trần lập trường của phái thủ tiêu “lấy thanh toán để tái phê phán” của Hồ Thu Nguyên, và “bộ mặt thật” của việc công khai tấn công vào phong trào văn học vô sản, chỉ ra việc phản đối phong trào văn học vô sản của Hồ Thu Nguyên lúc đó là “tiên phong” hơn so với những nhà văn dân tộc chủ nghĩa.

Khi các nhà văn học cách mạng đập lại luận điểm của Hồ Thu Nguyên thì Tô Vãn tự lấy danh nghĩa là “loại người thứ ba”, đại diện cho “nhóm tác giả” đã xuất hiện và lên tiếng ủng hộ ông ta. Trong bài *Về “Văn tân” và biện luận văn nghệ của Hồ Thu Nguyên* phát biểu trên tờ *Hiện đại*, đã vu cáo phép biện chứng là “biến quái”, nói người theo chủ nghĩa Mác-Lênin “chỉ là thấy nhu cầu trước mắt” không cần chân lý văn đàn cánh tả căn bản không cần văn học, dưới sự “bá chiếm” của họ “văn học sẽ không còn là văn học nữa rồi mà đã biến thành loại tranh liên hoàn, và tác giả thì cũng sẽ không phải là tác giả nữa, mà biến thành loại người chuyên đi kích động. Khi những lời công kích bị bác bỏ, ông ta lại viết bài *Con đường thoát của “loại người thứ ba”*, *Bàn về chủ nghĩa can thiệp trong văn học*, đối lập chính trị cách mạng với chân thực nghệ thuật, cho rằng “dùng lập trường thuần chính trị để chỉ đạo văn học là làm hại đến việc nắm vững chân thực của văn học, “nhà nghệ thuật thà vì chân thực mà hy sinh sự đúng đắn”, lấy cái đó để phản đối sự can thiệp “của chính trị đối với văn học. Các nhà văn cách mạng đều ngộ nhận “tất cả mọi người không giống với bản thân họ đều là người biện hộ cho giai cấp tư sản”. Ông ta đã ác ý khẳng định rằng “thái độ cực tuyệt lại người khác xa hàng ngàn dặm này, tôi thấy đó là coi bạn thành thù”, đã đổ tội cho các nhà văn cách mạng là làm cho một bộ phận các nhà văn tiểu tư sản “không dám động bút” nữa.

Những luận điểm này của Hồ Thu Nguyên và Tô Vãn, trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể đương thời, có tác dụng lừa gạt không ít các nhà văn. Họ đã từng có mối liên hệ với phong trào văn nghệ cánh tả, khiến cho sự khiêu khích này có tác dụng mê hoặc càng lớn. Ngoài Thượng Hải ra, các báo chí của Tả liên ở Bắc Bình cũng đăng những bài phê phán đấu tranh với “người tự do”, “loại người thứ ba”. Đây là một cuộc luận chiến văn nghệ có lịch sử lâu nhất, qui mô nhất trong cả thời kỳ Tả liên.

Bài *Tự do của văn nghệ và không tự do của nhà văn* của Cù Thu Bạch đã dẫn câu của Lênin trong bài *Tổ chức Đảng và văn học có tính Đảng* khi vạch trần cái gọi là “tự do” văn nghệ của giai cấp tư sản, đã từng nói: “Loại tự do này chẳng qua là một loại mặt nạ (hoặc một loại nguy trang) của họ dựa vào túi tiền, dựa vào sự mua chuộc và dựa vào việc nuôi dưỡng mà thôi”¹. Cù Thu Bạch đã thuyết minh “Trong xã hội có giai cấp không thể có “văn nghệ tự do” độc lập với lợi ích của giai cấp”, “Khi giai cấp vô sản công khai yêu cầu công cụ đấu tranh của văn nghệ, ai muốn đứng ra kêu gào “đừng xâm lược văn nghệ” thì người đó vô hình chung đã làm “chiếc máy hát thuộc phái văn nghệ trên hết của giai cấp tư sản giả dối, cái mà Hồ Thu Nguyên yêu cầu, chính là “văn nghệ thoát ly giai cấp vô sản để tự do, thoát ly quảng đại quần chúng để tự do”. Còn quan điểm mà ông ta dùng để ủng hộ việc mình phản đối nghệ thuật phục vụ chính trị, văn nghệ chỉ là biểu hiện cuộc sống, “đúng là gạt bỏ hết các ưu điểm trong lý luận Plêkhanốp, mà lại phát triển chủ nghĩa mensêvich của Plêkhanốp đến giới hạn lớn nhất, biến thành chủ nghĩa bàng quan giả dối của giai cấp tư sản”². Khi Hồ Thu Nguyên tiến hành đập lại những lời phê phán này, kiên trì luận điệu phản động thì Chu Khởi Ứng trong bài *Kiểm thảo lý luận văn học người tự do* đã dựa vào phản ánh luận của Lênin và nguyên tắc tính Đảng của văn học, một lần nữa lại bác bỏ sai

¹Chỗ này dựa vào bản dịch Trung văn Lênin toàn tập, còn lời dịch trong bản gốc của Cù Thu Bạch so với chỗ này có phần không khớp lắm.

²Hiện đại quyển 1, kỳ 6 ngày 1-10-1932, ký tên Dịch Gia.

lầm phi mác xít của ông ta xoá nhoà tính giai cấp và tính Đảng của nghệ thuật, phủ nhận tác dụng năng động nghệ thuật có thể ảnh hưởng trở lại cuộc sống.¹

Đối với Tô Vấn, Cù Thu Bạch đứng trên lập trường chỉ có giai cấp vô sản mới có thể xây dựng “lý luận văn nghệ khoa học chân chính”, giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh cách mạng, cần phải dùng văn nghệ giúp đỡ cách mạng, “không những cần sự cổ động bình thường, mà còn cần sự cổ động của văn nghệ”, ông đã trình bày tường tận, bác bỏ những luận điểm hoang đường của cái Tô Vấn gọi là văn đàn cánh tả chỉ cần cách mạng không cần văn học. Cù Thu Bạch còn phân tích các nhà văn với tính cách là nhà sản xuất hình thái ý thức “không kể anh ta có ý thức hay vô ý thức, không kể anh ta đang viết hay là đang trầm tư mặc tưởng, thì anh ta vẫn trước sau là đại biểu của hình thái ý thức của một giai cấp nào đó. Trong xã hội có giai cấp giăng bủa khắp nơi, anh không thể trốn đến một nơi nào đó, mà cũng không thể làm được “loại người thứ ba” nào hết”.²

Trong bài *Cuối cùng là ai không cần chân lý, không cần văn nghệ?*, Chu Khởi Ứng đã chỉ rõ cái Tô Vấn gọi là những người mác xít lêninít không cần chân lý là sự xuyên tạc cực kỳ ác độc. Ông nhấn mạnh rằng “giai cấp vô sản đứng ở tuyến đầu của phát triển lịch sử, lợi ích chủ quan của nó là nhất trí với hành trình khách quan phát triển của lịch sử, cho nên, đối với hiện thực, chúng ta càng chọn thái độ của Đảng, của giai cấp vô sản thì chúng ta càng tiếp cận với chân lý khách quan. Chính trị của giai cấp vô sản không những không phá hoại chân lý văn học phản ánh cuộc sống, mà còn sẽ giúp các nhà văn nhận thức đúng đắn cuộc sống.”³ Hà Đan Nhân (Phùng Tuyết Phong) cũng chỉ ra : “Tác phẩm văn nghệ không chỉ là phản ánh hình thái ý thức của một giai cấp nào đó, nó còn phải phản ánh hiện thực khách quan, thế giới khách quan. Song sự phản ánh này là căn cứ vào hình thái ý thức của tác giả, thế giới quan giai cấp, cuối cùng còn chịu hạn chế của giai cấp (cho đến bây giờ, chỉ có thế giới quan của giai cấp vô sản duy vật biện chứng, mới có thể tiếp cận chân lý khách quan nhất).⁴

Ngọn bút của Lỗ Tấn chủ yếu nhằm vào Tô Vấn. Trong bài *Bàn về “loại người thứ ba”* ông đã chỉ ra rằng: “Sống trong xã hội có giai cấp mà muốn làm nhà văn siêu giai cấp, sống trong thời đại chiến đấu mà lại muốn xa rời chiến đấu đứng một mình, ... con người như vậy, thực tế chỉ là người ảo tưởng do óc tạo ra mà thôi, còn trên thế giới thực tế là không có được. Muốn làm người như vậy chẳng khác nào như dùng tay mình nắm tóc kéo lên cho rời khỏi quả đất; anh ta không thể rời khỏi được, đâm ra bực bội, nhưng có phải vì có người lắc đầu mà làm cho anh ta không dám kéo tóc lên đâu”⁵. Lỗ Tấn còn chỉ ra “việc gác bút của “loại người thứ ba” này, nguyên nhân thật ra không phải là tại sự nghiêm khắc phê bình của cánh tả”, mà trên thực tế “làm không được loại người thứ ba như thế”, do đó cũng không thể có văn học của “loại thứ ba”, đồng thời cũng khuyên các nhà văn tiểu tư sản đang hy vọng vượt ra ngoài cuộc đấu tranh giai cấp, chỉ có sớm vứt bỏ ảo tưởng và sớm đứng vào lập trường tiến bộ, mới có thể giải thoát khỏi nỗi bàng hoàng không biết đường nào mà theo.

So với phái Tân nguyệt và “Phong trào văn nghệ dân tộc chủ nghĩa”, “Loại người thứ ba” không có một đoàn thể rõ ràng, thiếu tổ chức chặt chẽ, chủ yếu là có một số nhà văn thường xuyên viết và biên tập các tác phẩm ở tạp chí *Hiện đại*, ở mức độ khác nhau tán đồng một số quan điểm của Hồ Thu Nguyên và Tô Vấn mà thôi. Về sau, cùng với sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp và phong trào văn nghệ, trong họ đã nảy sinh sự phân hoá sâu sắc: có người đã sa đoạ thành Hán gian, có người – như nhà thơ Đái Vọng Thư – đã bước lên con đường tiến bộ. Sự đấu tranh đối với phái Tân nguyệt, đấu tranh

¹ Văn học nguyệt báo, quyển 1, kỳ 5-6 hợp biên, tháng 12-1932. Ký tên Kỳ Ảnh.

² Tự do của văn nghệ và không tự do của nhà văn.

³ Hiện đại, quyển 1, kỳ 6, ngày 1-10-1932.

⁴ Về khuynh hướng và lý luận của loại văn học thứ ba – Hiện đại, quyển 2, kỳ 2, tháng 1-1933.

⁵ Hiện đại, quyển 2, kỳ 1, ngày 1-11-1932.

đối với “Phong trào văn nghệ dân tộc chủ nghĩa” phát xít, phê phán đối với “Người Tự do” và “Loại người thứ ba” là ba cuộc đấu tranh chủ yếu trên mặt trận văn nghệ của thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai.

d. Nguy cơ dân tộc thêm sâu sắc và sự hình thành bước đầu của mặt trận thống nhất kháng Nhật của giới văn nghệ.

Chính phủ Quốc dân đảng lấy “chống ngoại tấ trước tiên phải yên nội” làm hoả mù, đối ngoại thì quì gối nhượng bộ, đối nội thì tăng cường trấn áp mọi hoạt động cách mạng và phong trào yêu nước, đồng thời tiến hành “vây quét” quân sự điên cuồng đối với căn cứ cách mạng. Đứng trước nguy cơ dân tộc ngày càng sâu sắc, ngày thứ 8 sau sự kiện “18-9”, Tả liên đã có *Thư gửi tổ chức văn học của giai cấp vô sản quốc tế và nhân dân lao động*¹, kêu gọi nhân dân lao động toàn thế giới cùng phản đối bọn xâm lược Nhật Bản. Tiếp theo lại dùng hình thức thư ngỏ *Gửi các nhà văn giai cấp vô sản, nhà văn cách mạng và tất cả thanh niên yêu thích văn nghệ*², kêu gọi những người làm công tác văn nghệ cách mạng dùng văn nghệ làm vũ khí để đánh lại bọn xâm lược, “Hãy cùng với khẩu páchooc của công nhân và những cây súng trường của Hồng quân, anh dũng tiến lên”. Trong quyết nghị *Nhiệm vụ mới của văn học cách mạng vô sản Trung Quốc* công bố tháng 11 cùng năm đó đã yêu cầu đặt lên hàng đầu “Việc tăng cường công tác chống đế quốc chủ nghĩa”, và “các nhà văn cần nắm các đề tài chống chủ nghĩa đế quốc” trong lĩnh vực văn học. Với sự thúc đẩy của làn sóng kháng Nhật toàn quốc và tổ chức cụ thể của Tả liên, nhiều nhà văn đã tham gia vận động tuyên truyền kháng Nhật và tích cực sáng tác các tác phẩm lấy kháng Nhật làm đề tài. Các báo *Văn nghệ tân văn*, *Ngã tư đường phố* đều lấy phản đế kháng Nhật làm nội dung chủ yếu.

Năm 1935, thế lực phát xít quốc tế ngày càng ngang ngược, hoà bình đã bị uy hiếp nghiêm trọng. Tháng 8 quốc tế cộng sản đã khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ 7 tại Mátxcơva, Đimitốp đã trình bày một báo cáo quan trọng, nêu lên khẩu hiệu giai cấp công nhân đoàn kết lại, tổ chức Mặt trận thống nhất chống phát xít. Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đã phát biểu *Thư gửi toàn thể đồng bào để kháng Nhật cứu nước* (tức *Tuyên ngôn Bát nhất*) chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật, ngừng nội chiến, nhất trí kháng Nhật.

Cuối năm 1935, Bộ chính trị trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đã tiến hành hội nghị tại đồn Ngoã Dao, Thiểm Bắc, quyết định chiến lược xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc. Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật lấy công nhân, nông dân, Hồng quân và giai cấp tiểu tư sản cách mạng làm chủ lực, bao gồm cả giai cấp tư sản và phần tử giai cấp địa chủ tán thành kháng Nhật. Tổ chức Mặt trận thống nhất của giới văn hoá có tính tiêu biểu rộng rãi. Tháng 11-1935, Vương Minh tại Mátxcơva đã chỉ thị cho đại biểu của Tả liên tại Liên minh các nhà văn cách mạng quốc tế là Tiêu Tam viết thư về nước, cho rằng khẩu hiệu *văn học vô sản* tạo thành chủ nghĩa đóng cửa và đề nghị giải tán Tả liên. Lỗ Tấn cho rằng Tả liên không phải giải tán, nó có thể làm hạt nhân của Mặt trận thống nhất giới văn nghệ tiếp tục tồn tại, nếu muốn giải tán, cũng cần phải phát biểu tuyên ngôn. Một số người lãnh đạo Tả liên không tôn trọng ý kiến của Lỗ Tấn, mùa xuân năm 1936 họ đã giải tán Tả liên, mà không phát biểu tuyên ngôn gì.

Tháng 4-1936, Phùng Tuyết Phong được lệnh của Trung ương Đảng, từ căn cứ cách mạng Thiểm Bắc đến Thượng Hải. Ông truyền đạt tinh thần của hội nghị ở đồn Ngoã Dao cho Lỗ Tấn. “Để thúc đẩy các nhà văn cánh tả xưa nay hướng theo văn học cách mạng vô sản đến với mặt trận của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc chống Nhật”, “để bổ cứu cho tính không rõ ràng của bản thân từ *văn học quốc*

¹ *Văn học đạo báo*, quyển 1, kỳ 5, ngày 28-9-1931.

² *Văn học đạo báo*, quyển 1, kỳ 6-7 hợp biên, ngày 23-10-1931.

phòng về mặt ý nghĩa tư tưởng văn học và uốn nắn lại một số ý kiến không đúng đã đưa vào danh từ *văn học quốc phòng* này”¹, Lỗ Tấn, Mao Thuần, Phùng Tuyết Phong đã cùng nhau đưa ra khẩu hiệu *văn học đại chúng của chiến tranh cách mạng*.

Tháng 10-1936, các nhân vật đại biểu các bên của giới văn nghệ gồm 21 người như Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, Mao Thuần, Ba kim, Hồng Thâm, Diệp Thiệu Quân, Tạ Băng Tâm, Chu Sấn Quyên, Bao Thiên Tiểu vv... đã liên hiệp ký và phát biểu bản *Tuyên ngôn của giới văn nghệ đoàn kết chống ngoại xâm và tự do ngôn luận* “chủ trương những bạn cùng giới văn nghệ toàn quốc cần không phân biệt phe phái cũ mới liên hiệp lại để chống Nhật cứu nước ... Về văn học chúng ta không gò bó nó phải giống nhau, nhưng về chống Nhật cứu nước thì chúng ta phải đoàn kết nhất trí để mong có thêm sức mạnh mà hoạt động”².

2. Sáng tác văn học.

a. Tưởng Quang Từ và các nhà văn đề xướng văn học cách mạng vô sản thời kỳ đầu.

Việc đề xướng văn học cách mạng vô sản đòi hỏi bức thiết các nhà văn trong hoàn cảnh khủng bố trắng sau thất bại của cuộc đại cách mạng phải hăng hái vươn lên, nâng cao ý chí chiến đấu, cố gắng sáng tác, kịp thời phản ánh cuộc sống của công nhân và nông dân, phản ánh cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân cách mạng. Thích ứng với yêu cầu đó, trên các tạp chí của Thái dương xã, Sáng tạo xã giai đoạn sau, nối tiếp nhau xuất hiện một loạt tác giả mới và tác phẩm mới. Nói như Tưởng Quang Từ trong bài *Văn học Trung Quốc hiện đại với đời sống xã hội*, họ đều “nổi lên trong làn sóng cách mạng”, giàu tinh thần cách mạng”³. Trong những tác giả này, người viết sớm nhất, có ảnh hưởng tương đối lớn, chính là tác giả của *Văn học Trung Quốc hiện đại với đời sống xã hội*.

Tưởng Quang Từ (1901 – 1931), trong phong trào Ngũ tứ hoạt động trong học sinh Vu Hồ. Năm 1921 đi Liên Xô học tập, 1924 về nước. Ngay từ thời kỳ này Tưởng Quang Từ đã làm thơ mới. Anh viết trong lời tựa tập thơ đầu tay *Mộng mới* của anh: “Tôi sinh ra giữa lúc ngọn triều cách mạng ào ạt cuộn dâng, tâm hồn tôi sớm rực cháy ngọn lửa hồng vô bờ bến. Tôi nguyện cố gắng làm một ca sĩ của cách mạng Đông Á”. *Mộng mới* là tập thơ đầu tiên trong văn học hiện đại Trung Quốc cất cao giọng hát ca ngợi cách mạng tháng Mười, ca ngợi cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Tác giả ca ngợi Hồng quân, ca ngợi thiếu niên nhi đồng Liên Xô, đã bày tỏ sự đau buồn vô hạn trước việc Lenin qua đời. Trong bài *Trước Lenin* anh ca ngợi Lenin “như mặt trời hồng đi qua bầu trời”, Lenin nằm yên đó “dưới chân thành điện Cờmlin”, “xa trông sóng cách mạng rung gầm thế giới, gần lắng nghe như mưa gió trong thành phố đỏ”. Trong bài *Hát về Mátxcova*, anh nhiệt thành cao giọng hát về Cách mạng tháng Mười:

Cách mạng tháng Mười,
Như cột lửa rực trời,
Phía sau tiêu rụi những vật tàn quá khứ,
Phía trước soi tỏ con đường thẳng tới tương lai.
A, Cách mạng tháng Mười,
Nguyện hiến dâng Người tất cả trái tim tôi,
Người xuất hiện làm loài người sống lại.

¹ Trả lời từ Mậu Dung và vấn đề Mặt trận thống nhất chống Nhật – Nhà văn, quyển 1, kỳ 5, ngày 15-8-1936.

² *Văn học giới*, quyển 1, kỳ 4, ngày 1-10-1936.

³ Đăng trong *Thái dương nguyệt san* số tháng 1-1928.

Y chí bừng bừng, tinh thần phấn chấn của tác giả đã làm tập thơ có giọng điệu sôi nổi, hào hùng. Ngay cả khi nhớ về tổ quốc đang “trầm luân”, thơ vẫn hô hào đấu tranh tiến lên giành thắng lợi. *Mộng mới* xuất bản trước phong trào Ngũ tập¹ không lâu, đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào thanh niên trí thức.

Từ năm 1924 đến 1926 viết xong tập thơ *Thương Trung Quốc*. trong kỷ niệm một năm phong trào Ngũ tập, anh đã viết một bài thơ tràn đầy căm giận, đòi hỏi đấu tranh với kẻ thù bằng một cách khác:

*Kẻ thù đã bắn ta bằng súng máy
Ta cũng có thể bắn trả bằng súng máy
Tự do, giải phóng, chính nghĩa của chúng ta
Là ở trong cuộc đấu tranh với kẻ địch.
Nếu chúng ta vẫn còn nói nào là hoà bình, nào là trật tự.
Thì kẻ yếu tội nghiệp ơi,
Chúng ta sẽ mãi mãi là nô lệ!*

(Tế máu)

Trong bài *Gửi bạn* sau đó ít lâu, anh viết : “Bạn ơi, tôi hiểu ra rồi, chúng ta phải nắm chặt báng súng trong tay”. Những câu thơ chất phác, không chút hoa lệ này đã phản ánh nhận thức của anh về chân lý bất diệt : phải đấu tranh vũ trang. *Thương Trung Quốc* nói chung trầm hơn *Mộng mới*, có cơ sở hiện thực vững chắc hơn.

Từ sau năm 1925, Tưởng Quang Từ chủ yếu dồn sức cho việc viết tiểu thuyết. Truyện vừa *Người lưu lạc trẻ tuổi*, truyện viết về thiếu niên tá điền Uông Trung, vì bố mẹ bị địa chủ giết hại, đã lưu lạc đất khách quê người, nếm trải đủ vị đắng cay, cuối cùng đã đến với cách mạng và hy sinh trên chiến trường. Sắc thái lãng mạn khá mạnh, có ảnh hưởng rộng rãi trong thanh niên. Năm 1926 anh cho ra tập truyện ngắn *Trên sông Ap Lục* gồm 8 truyện, mượn việc miêu tả những sinh hoạt xã hội khác nhau, để phản ánh sự bất công giữa các dân tộc và giai cấp.

Đầu tháng 4 năm 1927, không đầy nửa tháng sau cuộc khởi nghĩa vũ trang lần thứ ba của công nhân Thượng Hải, Tưởng Quang Từ đã hoàn thành truyện vừa *Đảng quần cộc*, kịp thời phản ánh phong trào công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong thời kỳ này, tác giả đã cùng với Tiền Hạnh Thôn, Mạnh Siêu ... tổ chức Thái dương xã, chủ biên *Thái dương nguyệt san*, đề xướng văn học cách mạng, làm “công tác xây dựng nền móng của văn học giai cấp vô sản”². Sau khi *Thái dương nguyệt san* đình bản, Tưởng Quang Từ lại chủ biên *Tân lưu nguyệt báo* và *Người vỡ hoang* nói rõ “muốn tăng thêm một tí sức thúc đẩy cho phong trào văn nghệ thời đại mới đang bừng bừng phát triển hiện nay”³. Những việc làm nói trên của Tưởng Quang Từ là một đóng góp quan trọng cho văn học cách mạng vô sản thời kỳ đầu.

¹ Phong trào Ngũ tập: một phong trào đấu tranh chống đế quốc sôi nổi do Đảng cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Ngày 30-5-1925, do bọn tư bản Nhật ở nhà máy sợi Thượng Hải bắn chết người đảng viên lãnh đạo công nhân bãi công Cố Chính Hồng, nhân dân Thượng Hải rầm rộ xuống đường thị uy, bị cảnh sát Anh xả súng đàn áp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, khắp nước nổ ra hàng loạt cuộc đấu tranh bãi công, bãi khoá, bãi thị, trở thành một cao trào chống đế quốc rất sôi nổi (ND).

² Tuyên ngôn đình bản số đình bản *Thái dương nguyệt san* tháng 7-1928.

³ Lời ghi sau *Tân lưu nguyệt báo* số 1, tháng 3-1929.

Mùa hè năm 1929, Tưởng Quang Từ đi Nhật Bản, đã viết tiểu thuyết dài *Mặt trắng vượt ra khỏi đám mây* phản ánh sự phân hoá của thanh niên trí thức sau thất bại của cuộc nội chiến cách mạng lần thứ nhất và muốn chỉ rõ hướng đi cho họ.

Tập nhật ký *Đất khách và quê nhà* và tập thơ *Tôi nên đi về* viết ở Nhật Bản đã thể hiện tư tưởng đang tiến triển của tác giả. Anh có sự tìm tòi mới về tiền đề của cách mạng, đã gạt bỏ được những nghi ngờ lo sợ đã từng xảy ra. Anh nhớ Tổ quốc và quần chúng, bạn bè đang đấu tranh gian khổ, thêm muốn được tham gia hàng ngũ của họ, muốn tìm thấy “cái gì vĩ đại” trong “tiếng hô phản kháng và khổ đau của quần chúng”.

Ruộng đất đã thét lên là tác phẩm đang đi vào độ chín của Tưởng Quang Từ. Nó đã phản ánh khá hoàn chỉnh mâu thuẫn và đấu tranh giai cấp quyết liệt ở nông thôn trước sau phong trào đại cách mạng, phản ánh bộ mặt của phong trào cách mạng vũ trang của nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trình độ nghệ thuật của tác phẩm cũng được nâng lên rất nhiều, những lời kêu gào ít đi, việc mô tả khách quan tỉ mỉ đã nhiều hơn, tình tiết phát triển, nhân vật xuất hiện tương đối có lớp lang, có thể cảm giác đời sống thực tương đối mạnh, do đó có thể biểu hiện được xu thế phát triển vào chiều sâu của phong trào cách mạng nông dân đương thời.

Một người đề xướng tích cực khác của văn học cách mạng vô sản là Quách Mạt Nhược. Ngoài tập thơ *Khô phục* đã nói ở trên, tập truyện đồng thoại *Một cánh tay* cũng đã có ảnh hưởng tương đối lớn. Đã phản ánh chính diện cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Tuy rằng chính trị và nghệ thuật chưa được thống nhất hài hoà hữu cơ, nhưng tác phẩm cũng cho thấy xu thế phát triển về tư tưởng của tác giả.

Trong những nhà văn xuất hiện trước sau năm 1928, phần lớn là thành viên của Thái dương xã, Sáng tạo xã và những tác giả trẻ có tác phẩm đăng trên các tạp chí của Thái dương xã, Sáng tạo xã. Sáng tạo của họ đều có đặc điểm gần với tác phẩm của Tưởng Quang Từ. Họ miêu tả những thống khổ của nhân dân lao động, tuyên truyền đấu tranh giai cấp, thể hiện nhiệt tình cách mạng, nhưng tác phẩm của họ cũng tồn tại phổ biến một số khuyết điểm: thiếu hơi thở của đời sống thực, màu sắc suy tưởng chủ quan đậm, những tiếng hô cao giọng về cách mạng chưa được thể hiện tương ứng bằng nghệ thuật, tình cảm trí thức tiểu tư sản khá đậm nét. Dương Hàm Sinh (Hoa Hán) có truyện vừa *Nữ tù*, tập truyện ngắn *Mối sầu của Thập cô* ... Tác phẩm quan trọng hơn của Dương Hàm Sinh là truyện dài *Địa tuyến* bao gồm bộ ba *Thâm nhập* (bản in riêng lấy tên *Đêm tối*), *Chuyển đổi* và *Phục hưng* phản ánh sự thâm nhập của cách mạng nông thôn, sự “chuyển đổi” của trí thức tiểu tư sản, sự “phục hưng” của phong trào công nhân. Tiền Hạnh Thôn (1900-1977) chủ yếu làm công tác phê bình, nhưng cũng có các tập truyện ngắn và tập thơ *Nghĩa chũng*, *Câu chuyện cách mạng*, *Malusa*, *Người đói* và *chim ưng đói* ... Phần lớn những tác phẩm thời kỳ đầu của ông phản ánh đời sống khốn cùng điêu đứng của trí thức. Từ sau 1927, ông vạch mặt, lên án, chế giễu những phần tử đầu cơ cách mạng và cuối đời, ông viết truyện ca ngợi những người cách mạng. Đối Bình Vạn có các tập truyện ngắn *Lối thoát*, *Đêm đô thị*, *Lục A Lục*...viết về những tình cảm xã hội, về cuộc sống nay đây mai đó của các nhà cách mạng, đặc biệt là tình cảnh bị áp bức bóc lột và sự thức tỉnh của nông dân. Lâu Kiến Nam (Thích Di) có các tập truyện ngắn *Dây dưa*, *Bệnh tật và mộng mơ* diện phản ánh rộng, tác giả nói “đối tượng biểu hiện” “đã theo sự chuyển đổi của thời đại” mà “chuyển đổi phương hướng mới”¹. Những tác phẩm về sau tiếp cận cuộc sống đấu tranh hiện thực. Phùng Hiến Chương (?-1931) có tập thơ *Sau giấc mơ* và một số truyện ngắn, phần lớn miêu tả và cổ vũ quần chúng công nông lao khổ đấu tranh. Cùng xuất hiện trong thời kỳ này còn có tập truyện ngắn *Những người trèo đèo lội suối* của Lý Thủ Chương và tập truyện ngắn *Sau khi thất nghiệp* của Lưu

¹ Hậu ký *Bệnh tật và mộng mơ*.

Nhất Mộng, phần lớn viết về những khổ đau và sự đấu tranh phản kháng của công nhân, nông dân, trí thức, được Lỗ Tấn đánh giá “cũng coi là những tác phẩm ưu tú”¹.

Các tác phẩm, lý luận và hoạt động tổ chức của Tưởng Quang Từ và các nhà văn này đều có thể coi là công tác vỡ hoang bước đầu của văn học cách mạng vô sản Trung Quốc. Với thái độ dứt khoát, họ phục vụ sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, lập trường chính trị rõ ràng, nhiệt tình cách mạng cháy bỏng. Tác phẩm của họ, phần chủ yếu nhất đã phản ánh đời sống quần chúng công nông, miêu tả sự đấu tranh phản kháng của người cách mạng. Nhưng bởi vì những hạn chế về nhận thức tư tưởng và sự thiếu vốn kinh nghiệm thực tiễn, trong tác phẩm của họ tồn tại những khuyết điểm rõ rệt. Ví dụ, họ chưa coi trọng đầy đủ sự cải tạo tư tưởng phi vô sản, tác phẩm chưa có độ sâu cần thiết, giá trị nghệ thuật của tác phẩm chưa cao ... Những thành, bại, được, mất đó đều là dấu tích của quá trình phát triển của văn học cách mạng. Các nhà văn cách mạng tiếp sau có thể qua đây rút ra những bài học cần thiết.

b. Tác phẩm của Nhu Thạch, An Phu, Hồ Dã Tần ...

Ngày 7-2-1931, các thành viên của Tả liên và Nhu Thạch, An Phu, Hồ Dã Tần, Lý Vĩ Sâm (chưa chính thức gia nhập Tả liên nhưng có quan hệ rất mật thiết với Tả liên), Phùng Khanh và 18 đảng viên cộng sản khác bị bọn phản động Quốc dân đảng bí mật thủ tiêu ở Long Hoa, Thượng Hải. Mấy năm sau, Ứng Tu Nhân, Hồng Lĩnh Phỉ, Phan Mạc Hoa lại bị giết. Sau khi các chiến sĩ An Phu, Nhu Thạch, Hồ Dã Tần, Lý Vĩ Sâm và Phùng Khanh hy sinh, Tả liên đã ra kháng nghị và tuyên ngôn lên án hành vi bạo ngược đó của bọn phản động, được dư luận trong ngoài nước ủng hộ. Sự hy sinh của họ đã làm Lỗ Tấn hết sức bi phẫn, ông viết bài tưởng niệm họ, nói rõ họ đã dùng máu của chính họ để viết ra “tác phẩm đầu tiên của văn học cách mạng vô sản Trung Quốc”². Liên mấy năm sau, Lỗ Tấn tiếp tục viết *Kỷ niệm để mà quên* (1933), *Lời tựa tác phẩm “Hài nhi tháp” của Bạch Mãng* (1936) ... ca ngợi nhân cách của họ, khẳng định thành tựu văn học của họ.

Nhu Thạch (tên thật là Triệu Bình Phục, 1901 – 1931) bắt đầu sáng tác năm 1923. Tập truyện ngắn *Người điên* của anh đòi hỏi giải phóng cá tính. Tiểu thuyết dài *Cái chết của thời đại cũ* và tiểu thuyết vừa *Ba chị em* phê phán tâm lý bần khổ hoài nghi của lớp thanh niên trí thức, phản ánh hiện thực tương đối mờ nhạt. Mùa hè năm 1928, anh đến Thượng Hải, tiếp xúc nhiều với Lỗ Tấn, đã dịch và giới thiệu văn học tiến bộ nước ngoài, nhất là Đông Âu và Bắc Âu, biên tập tạp chí *Ngữ ti, Triều hoa tuần san, Manh nha nguyệt san* ³. Những hoạt động này đã có ảnh hưởng tích cực đối với sáng tác của Nhu Thạch. Tập truyện ngắn *Hy vọng* sáng tác trong thời kỳ này viết về những người làm việc tầm thường, bĩ ỉn trong đời sống thường ngày, có ý nghĩa hiện thực hơn, mang nhiều hơi thở của đời sống xã hội hơn các tác phẩm trước đó của anh. Một phong cách nghệ thuật độc đáo bắt đầu hình thành, bút pháp phác thực, tình cảm sâu lắng.

Truyện dài *Tháng hai* (1929) là tác phẩm quan trọng của Nhu Thạch, được Lỗ Tấn viết *Lời dẫn*.

Truyện ngắn *Bà mẹ làm nô lệ* viết năm 1930 là tác phẩm ưu tú nhất của Nhu Thạch. Đề tài đi sâu vào đời sống của người lao động lớp dưới. Hình thức biểu hiện và bút pháp cũng chất phác hơn, cho thấy tác giả đang muốn “thay đổi nội dung và hình thức của tác phẩm”⁴.

Tả liên ra đời, Nhu Thạch được bầu làm uỷ viên chấp hành, uỷ viên thường vụ, chủ nhiệm bộ biên tập. Tháng 6-1930, anh viết thêm phóng sự *Ấn tượng vĩ đại* phản ánh đại hội đại biểu các khu xô viết

¹ Nhị tâm tập: *Chúng ta cần nhà phê bình*.

² Nhị tâm tập: *Văn học cách mạng vô sản Trung Quốc và máu của những chiến sĩ tiền phong*.

³ *Manh nha nguyệt san* do Lỗ Tấn chủ biên, Nhu Thạch là một biên tập viên.

⁴ Lỗ Tấn: *Kỷ niệm để mà quên*.

toàn quốc họp vào tháng 5 năm đó ở Thượng Hải mà anh đã tham gia, tháng 10 lại viết bài thơ dài *Máu đang sôi* kỷ niệm một đội trưởng đội thiếu niên tiên phong 16 tuổi bị bọn phản động giết hại.

Hồ Dã Tần (1903 – 1931) hoạt động văn nghệ từ năm 1924, biên soạn phụ san *Dân chúng văn nghệ* của tờ *Kinh báo* Bắc Kinh. Tác phẩm của anh thời đó được ký tên Hồ Sùng Hiên. Mấy năm sau đó, anh sáng tác rất nhiều, được hình thành hơn một chục tập: *Thánh đồ* (tập truyện ngắn), *Dã tân thi tuyển* (tập thơ), *Ba nhân vật không thống nhất* (tập truyện ngắn), *Hạnh phúc của người khác* (tập kịch), *Tả thực một bi kịch* (tập truyện vừa) ... Văn Hồ Dã Tần trôi chảy, thông thoáng, thỉnh thoảng tỏ ra hóm hỉnh, châm biếm. Năm 1929 anh viết truyện dài *Đi mặc Tư Khoa*. Năm 1930, anh viết truyện dài *Anh sáng ở phía trước mặt chúng ta*, có những thay đổi và phát triển tương đối lớn.

Mùa xuân năm 1928 Hồ Dã Tần đến Thượng Hải, bắt đầu đọc lý luận chủ nghĩa Mác và xác định dùng văn học để phục vụ cách mạng.

Tác phẩm cuối cùng của Hồ Dã Tần là *Chung sống*¹ phản ánh đời sống nhân dân khu căn cứ cách mạng. Vì tác giả thiếu vốn sống ở vùng căn cứ địa cách mạng, cho nên tác phẩm có nhược điểm là giản đơn.

An Phu (Từ Bạch, Bạch Mãng, 1909 – 1931) bắt đầu làm thơ từ năm 1924. Tác phẩm giai đoạn đầu của An Phu phần nhiều là ca ngợi về tình yêu quê hương, cũng có khi về tương lai tươi sáng. Trong thơ phần lớn mang những ưu phiền đối với hiện thực đen tối và sự u uất nội tâm của tác giả. Anh than thở “Hy vọng như một ánh sao bé nhỏ, đang nhấp nháy nơi chân trời màu xám” (*Dấu chân của thời đại đang cất bước*), anh ca ngợi “Đoá hoa đại đầu tiên trên cát, vật vờ tro bụi tỏa hương thơm” (*Chúc*); anh cười đám mây đen đầy trời kia đang hứa hẹn cuồng phong và mưa bão (*Gửi bạn*), anh cảm thấy anh đang “gối đầu trên núi lửa đang sắp bùng lên, miệng núi lửa sẽ phun trào lửa đỏ” (*Lòng đất*). Anh ngồi chờ “bên cửa sổ vắng tanh, nóng lòng đợi ánh mai hồng sẽ đến” (*Đứng một mình bên cửa sổ*).

Tháng 4-1927, anh bị bắt lần đầu ở Thượng Hải. Năm 1929, anh rời bỏ trường học, chuyên làm công tác thanh niên, sáng tác đi dần lên cao trào. Anh đã cho ra nhiều thơ, bút ký, luận văn dưới các bút danh An Phu, Bạch Mãng, Sa Phỉ ... Các bài thơ trữ tình giai đoạn này như *Tặng cô gái Triều Tiên*, *Long Hoa trong mộng* ... đã thể hiện ý chí đấu tranh kiên quyết của anh. Anh còn viết nhiều thơ cổ động chính trị (còn được gọi là thơ cổ động đỏ), phần lớn đăng trên tạp chí phát hành bí mật do anh biên tập: *Thanh niên Lênin* và các tạp chí của Tả liên như *Manh nha nguyệt san*, *Người võ hoang*, *Núi Barot* ... Những bài thơ này có cách điệu mới mẻ, ý tứ rộng rãi, thể hiện tình cảm cá nhân và ca ngợi đấu tranh cách mạng, hoà quyện vào nhau tạo ra một thứ chiến ca khí khái hào hùng, giọng điệu cao vút. Tác giả tuyên bố sẽ “Ca bài ca mới” của thời đại (*Thời đại Romantic*), tuyên bố “Chúng ta giương cao cờ, thổi kèn vang dậy trời cao” (*Pioneer*). Nhà thơ đã hoà mình vào dòng thác quần chúng, không còn phiền não vì cô tịch nữa. Anh lòng đầy tự hào, tràn ngập lòng tin cải tạo mình và cải tạo thế giới.

Nhiều bài thơ miêu tả những cuộc đấu tranh chính diện của giai cấp vô sản đối với kẻ thù. Trong đó bài *Ngày 1 tháng 5 năm 1929* là tác phẩm tiêu biểu. Trong bài thơ này, anh miêu tả đội ngũ công nhân rầm rộ đang tiến hành, dòng người sục sôi, tiếng hô khẩu hiệu vang trời và “những mảnh giấy ngũ sắc trắng có đỏ có” đang “tung bay trong nắng ban mai như một đàn bồ câu”.

Tôi đi trong đoàn người,

Hai tay tôi trong túi,

Từng chồng, từng tệp giấy mỏng

¹ Đăng số 1, quyển 1, tạp chí *Tiên tiêu*.

Au yếm hôn lên ngón tay tôi.

Anh cảm thấy “Ngày 1 tháng 5 này là buổi sáng của chúng ta, Ngày 1 tháng 5 này là mặt trời của chúng ta”. Anh tin tưởng vững chắc rằng “Hôm nay và ngày mai sau, đều là của chúng ta”. Bởi vì cái anh đang nắm trong tay không đơn thuần chỉ là truyền đơn mà là chân lý.

Lỗ Tấn rất quý thơ Ân Phu. Trong lời tựa tập thơ *Hài nhi tháp*, ông viết : “Đây là ánh sáng mới ửng hồng ở phương Đông, là bước tiến quân thứ nhất, là ngọn cờ mà những bậc tiền bối yêu dấu, và đây cũng là tấm bia mà bọn tàn bạo rất đỗi căm thù. Không cần phải đem những bài thơ được gọi là điều luyện, thành thực, bình tĩnh u uẩn, sâu xa mà so sánh, bởi vì những dòng thơ này thuộc về một thế giới khác”¹. Thơ ca cách mạng do Quách Mạt Nhược sáng tác đầu tiên, đến Ân Phu đã đạt được những thành tựu và bước phát triển mới quan trọng. Ân Phu là một nhà thơ ưu tú của văn học cách mạng vô sản giai đoạn đầu.

Lý Vĩ Sâm (Lý Cầu Thực 1903 – 1931) viết một số luận văn, tạp văn, đã biên tập *Tập thơ cách mạng* và đã dịch truyện ký *Đốt xôviépki*, viết một số phê bình văn nghệ và dịch một số bài văn lẻ. Phùng Khanh (1907 – 1931) thời kỳ đầu chủ yếu viết thơ trữ tình, sau khi tham gia hoạt động cách mạng đã viết tiểu thuyết *Người đàn bà buôn bán trẻ con* qua một số mẫu chuyện đời thường miêu tả khá xúc động cảnh ngộ bi thảm của một phụ nữ lao động. Các tác phẩm *Sự huỷ diệt của Lạc viên*, *Đột biến* kêu gọi tham gia đấu tranh tập thể. *Bé Cường*, *Nhật ký đỏ* viết về cuộc đấu tranh của nhân dân vùng căn cứ địa cách mạng và của Hồng quân. Ưng Tu Nhân (1900 – 1931) vốn là một nhà thơ của Hồ bần xã. *Câu chuyện lá cờ và Tháp vàng tháp bạc* cũng viết về nhân dân vùng căn cứ địa cách mạng và Hồng quân bằng bút pháp khoa trương đã mô tả sinh động tinh thần chiến đấu anh dũng của Hồng quân và lòng tin của nhân dân lao động đối với khu căn cứ địa cách mạng. Hồng Linh Phỉ (?-1933) có các truyện dài *Lưu vong*, *Tiền tuyến*, *Chuyển biến* và tập truyện ngắn *Về nhà* viết về hoạt động đấu tranh của nhà cách mạng tư tưởng, về cảnh ngộ khốn đốn và chuyện tình yêu, trong đó nhiều chuyện phản chiếu đời sống của chính tác giả. Tiểu thuyết *Biển lớn* đăng trên nguyệt san *Người khai hoang* đã chứng tỏ một bước tiến mới của tác giả trong sáng tác.

Phần lớn các liệt sĩ đều bị hại khi sáng tác thành thực. Đó là một tổn thất của văn học cách mạng vô sản. Nhưng như Lỗ Tấn đã nói : “Đại chúng tồn tại một ngày thì lớn mạnh một ngày, văn học cách mạng vô sản cũng phát triển một ngày”². Các liệt sĩ không chỉ dùng những bài văn viết bằng mực mà dùng cả những bài văn viết bằng máu để thể hiện truyền thống chiến đấu quý báu của văn học cách mạng, cho thấy rõ nền văn học đó gắn bó máu thịt với sự nghiệp của cách mạng nhân dân.

c. Phong trào hý kịch cánh tả và kịch bản của Điện Hán cùng các tác giả khác.

Tháng 8-1929, đoàn kịch nghệ thuật Thượng Hải ra đời. Đây là đoàn thể của những người làm công tác hý kịch tiến bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thời gian hoạt động của đoàn kịch nghệ thuật không dài, nhưng đã đóng góp xứng đáng cho phong trào hý kịch cánh tả. Tháng 1 và tháng 3 năm 1930, nó đã tổ chức hai lần công diễn. Vì kịch bản sáng tác được không nhiều, cho nên những vở kịch đem công diễn trừ *Au Phu Trân* của Phùng Nãi Siêu ra, tất cả đều là kịch ngoại quốc (như *Phu lò than*, *Quân tử Lương Sơn*, *Cuộc vật lộn giữa tình yêu và cái chết ...*). Nhờ tinh thần cách tân mạnh bạo trong diễn xuất, ảnh hưởng của các đợt công diễn này trong giới kịch nói khá lớn. Đoàn kịch nghệ thuật đã xuất bản hai tờ tạp chí *Nghệ thuật* và *Sa luân* (đều do Thẩm Đoan Tiên chủ biên), và đã xuất bản *Hý kịch luận văn tập*.

¹ Thả giới đình tạp văn tập cuối: Bạch Mãng viết tựa *Hài nhi tháp*.

² Nhi tâm tập: Văn học cách mạng vô sản Trung Quốc và máu của những người đi trước.

Tháng 4 năm 1930 đoàn kịch nghệ thuật bị chính phủ phản động Quốc dân đảng đóng cửa, mùa hè năm đó, vở kịch *Trạm kiểm soát* do Điền Hán cải biên, diễn được một buổi thì bị cấm. Tháng 1 tháng 8, Liên minh kịch đoàn cánh tả Trung Quốc thành lập, có các đoàn kịch Nam quốc, Tân Dậu, Môđéc, Quang Minh ... tham gia. Tháng 1 năm 1931 cải tổ thành Liên minh các nhà hý kịch cánh tả Trung Quốc, người tham gia lấy danh nghĩa cá nhân (gọi tắt là Kịch liên). Đây là một tổ chức văn nghệ cánh tả vừa được thành lập dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Tháng 9 cùng năm, Kịch liên thông qua “Cương lĩnh hành động trước mắt”, tích cực triển khai hoạt động biểu diễn trong công nhân, học sinh và nhân dân đô thị dưới các phương thức độc lập, tổ chức các lớp huấn luyện hý kịch, xây dựng lý luận hý kịch vô sản và tổ chức sáng tác kịch bản nhằm thích ứng với tình hình đấu tranh.

Đại đạo kịch xã là đoàn kịch nòng cốt của Kịch liên, có hơn 100 hội viên rải khắp các đoàn kịch các trường học, do Điền Hán và một số người phụ trách chính. Trong hoàn cảnh nguy hiểm và điều kiện vật chất cực kỳ khó khăn, họ đã kiên trì phong trào hý kịch cách mạng, đặc biệt là lãnh đạo hoạt động diễn xuất của các đoàn kịch các trường đại học, trung học. Về sau, do sự đàn áp của bọn phản động trở nên ráo riết hơn, không thể hoạt động trong thành phố được nữa, họ đi biểu diễn lưu động ở một số vùng nông thôn Giang Nam, được quần chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Sau sự kiện 18 tháng 9, Đại đạo kịch xã đã nhiều lần liên hợp với Thự tỉnh kịch xã (do Thích Di chủ trì) tổ chức biểu diễn tác phẩm của các nhà viết kịch trong Kịch liên, trong đó có những kịch bản có nội dung chống đế quốc, lên án sự thống trị tàn khốc của Quốc dân đảng của Điền Hán, kịch “S.O.S” của Thích Di viết về tiếng kêu phản kháng của nhân viên đài phát thanh vùng địch chiếm sau sự kiện 18 tháng 9.

Điền Hán (1898 – 1968), sau thất bại của đại cách mạng, vẫn tiếp tục theo đuổi hoạt động của hý kịch tiến bộ, lại sáng tác nhiều kịch bản. Những tác phẩm hai năm đầu như *Giang thôn tiểu cảnh*, *Tô châu dạ thoại* đều lấy chủ đề phản đối nội chiến quân phiệt. Ngoài ra các vở kịch tình yêu *Bi kịch trên hồ*, *Về nam* ... có không khí trữ tình khá đậm.

Vở kịch ba màn *Cái chết của người nghệ sĩ tài danh* khắc hoạ tính cách phản kháng của “Người nghệ sĩ nổi tiếng một thời” Lưu Chấn Thanh và số phận bi thảm của người nghệ sĩ qua hình tượng sân khấu đã chỉ rõ cái xã hội cũ yêu quái hoành hành chính là kẻ thù của nghệ thuật. Với bút pháp cô đọng, tinh tế, phong cách thâm trầm, *Cái chết của người nghệ sĩ tài danh* là tác phẩm tốt nhất trong hai năm đầu của Điền Hán.

Sự phát triển đột biến về tư tưởng của Điền Hán là bắt đầu từ năm 1930. Ông lần lượt tham gia các đoàn thể cách mạng Trung Quốc tự do đại đồng minh, Trung Quốc tả dục tác gia liên minh, Trung Quốc tả dục hý kịch gia liên minh. Tháng 4 năm 1930, ông phát biểu *Chúng tôi tự phê phán*, tổng kết và phê phán khuynh hướng tiểu tư sản của bản thân ông và của đoàn kịch Nam quốc trước kia. Tháng 5, ông cải biên tiểu thuyết *Trạm kiểm soát* của Mêrimê¹ thành vở kịch nói 6 màn, mượn cốt truyện nước ngoài để thể hiện tinh thần phản kháng xã hội cũ. Sau đó, kịch bản của ông đều lấy đề tài từ thực tế đấu tranh trong nước. *Mưa mai* và *Khúc ánh trăng* 1932 phản ánh đời sống và sự đấu tranh của công nhân thất nghiệp, *Nước lũ*² viết về đời sống và đấu tranh của nông dân. *Chuông loạn*, *Chiến hữu* và *Khúc hồi xuân* phản ánh tinh thần chống Nhật cứu nước ngày càng dâng cao của nhân dân và lên án chính sách đầu hàng thoả hiệp của chính phủ Quốc dân đảng.

Ngoài những tác phẩm trên, Điền Hán còn có *Bảy cô gái trong bão tố*, *Chiến Hữu*, *Bà mẹ của Apixinia* ... Điền Hán còn viết vở ca kịch *Bão tố Dương Tử giang*. Đây là vở ca kịch nói đầu tiên lấy chủ đề chống đế quốc của Trung Quốc. Cuộc kháng chiến nổ ra, Điền Hán lại viết vở kịch bốn màn *Lư Cầu*

¹ Prosper Mérimée (1803 – 1870) nhà văn Pháp (ND).

² Điền Hán có hai vở kịch cùng lấy tên *Nước lũ*.

Kiều với chủ đề quân dân Lư Cầu Kiêu chống Nhật. Sau đó khi hoạt động cho phong trào hý kịch kháng chiến, Điền Hán tiếp tục sáng tác kịch bản, tác phẩm rất nhiều, trong đó vở *Hán ngư ca* lấy đề tài lịch sử kháng chiến chống Kim đời Tống (xuất bản năm 1940) là tương đối có ảnh hưởng hơn cả.

Sau vở *Triệu Diêm Vương*, Hồng Thâm viết ba tác phẩm *Cầu Ngưu Khuê* (1 màn), *Gạo thơm* (3 màn), và *Đầm Thanh Long* (4 màn), gọi chung là *Bộ ba nông thôn*. Trong *Bộ ba nông thôn* này, *Cầu Ngưu Khuê* được đánh giá tốt hơn cả. *Cầu Ngưu Khuê* là một kịch bản ưu tú của văn học hiện đại Trung Quốc phản ánh cuộc đấu tranh của nông dân.

Hồng Thâm còn là người nhiệt thành đề xướng “hý kịch quốc phòng”. Vở kịch *Buôn lậu* sáng tác tập thể do Hồng Thâm chấp bút đã đạt hiệu quả tốt khi công diễn. Trong thời kỳ kháng chiến, Hồng Thâm đã tích cực tham gia phong trào hý kịch tiến bộ trong khu vực thống trị của Quốc dân đảng và đã sáng tác không ít kịch bản. Vở *Bao Đắc Hành* bốn màn đã bóc trần chế độ binh dịch đen tối của Quốc dân đảng.

Những kịch bản sáng tác thời kỳ đầu của Âu Dương Dư Thiến¹ chủ yếu là miêu tả tình yêu nam nữ và những rắc rối gia đình, qua đó đánh vào lễ giáo phong kiến. *Sau tám bình phong* tố cáo hành vi xấu xa bỉ ổi được che đậy sau tám bình phong của những kẻ bảo vệ đạo đức phong kiến. *Gia đình người phu xe* miêu tả cuộc sống bi thảm của dân nghèo thành thị, tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc và giai cấp tư sản mại bản. *Buôn bán* bóc trần hành vi bỉ ổi của giai cấp mại bản cam tâm đem người thân của mình ra buôn bán. *Ba gia đình sống chung* miêu tả đời sống khốn khổ của nhân dân lao động thành phố trong tình hình nội chiến liên miên, quân phiệt chém giết, đồng tiền mất giá, chỉ rõ chỉ có “không chịu sự lừa bịp và ru ngủ của bọn có tiền”, “cùng mọi người mở ra một lối thoát” thì mới được.

d. Tiểu thuyết của các tác giả Trương Thiên Dực, Ngải Vu ...

Một trong những thành tích quan trọng của Tả liên là mở rộng đội ngũ tác giả. Tả liên cũng đã làm nhiều việc nhằm đào tạo nhà văn trẻ và đẩy mạnh sáng tác văn học. Do đó, trong thời gian 10 năm nội chiến đã xuất hiện hàng loạt nhà văn mới, tác phẩm mới, trong đó truyện ngắn đạt thành quả tốt nhất.

Nhà văn Trương Thiên Dực² xuất hiện năm 1929 với sáng tác đầu tay *Giấc mơ ba ngày rười rượi* đăng trên nguyệt san *Bôn lưu* (số 10, quyển 1) do Lỗ Tấn chủ biên. Tiếp sau đó, ông sáng tác ngày càng nhiều, truyện ngắn có các tập *Từ trống rỗng đến đầy chật*, *Bé Pitor*, *Ong mật*, *Phản công*, *Di hành*, *Đoàn viên*, *Vạn nhẫn ước*, *Gió xuân*, *Đuổi theo* ... Truyện vừa có *Tiết thanh minh*, truyện dài có *Nhật ký đất quỷ*, *Một năm*, *Trong thành phố* ... Thời gian này đông đảo độc giả đã chán ngấy giọng điệu bi ai và công thức “cách mạng + tình yêu” trong sáng tác văn học. Sự xuất hiện của Trương Thiên Dực đã mang lại cho giới văn nghệ một không khí tươi mới, sôi nổi, nhờ vậy nhanh chóng có nhiều độc giả.

Trương Thiên Dực từ bé trôi dạt theo cha, đã từng làm viên chức, giáo viên, ký giả, diện tiếp xúc đời sống xã hội rất rộng, đã chú ý quan sát đời sống và tính cách các nhân vật đủ các tầng lớp. Điều này giúp ông có thể phản ánh đời sống xã hội Trung Quốc cũ trong một phạm vi khá rộng và sáng tạo nhiều hình tượng nhân vật có tính cách rõ ràng. Ngòi bút Trương Thiên Dực tinh tế, trong sáng, sắc bén, tươi mới, thường thường chỉ mấy nét ngắn gọn mà vẽ ra được những diện mạo tính cách nhân vật sống động. Trong văn ông không có những đoạn kể lể dài dòng hoặc những đoạn nghị luận phù phiếm. Trương Thiên Dực là một nhà văn có phong cách độc đáo.

¹ Có người dịch là Sảnh.

² 1906 – 1985 (ND).

Ngoài ra, Trương Thiên Dực còn viết đồng thoại *Đại Lâm và Tiểu Lâm*, *Câu chuyện hai Lâm*, *Đại vương trọc* ... Tác giả hiểu rõ tâm lý trẻ em, tưởng tượng phong phú, tác phẩm có thể qua những chuyện kể sinh động mà phát huy tác dụng giáo dục, làm cho các độc giả nhỏ tuổi thấy hứng thú khi đọc.

Một nhà văn khác người Hồ Nam, tiếng tăm một thời ngang với Trương Thiên Dực là Tưởng Mục Lương (1901 – 1973). Họ là bạn thân của nhau, thường xuyên đọc bản thảo cho nhau. Cả hai người có phong cách nghệ thuật gần giống nhau ở một số mặt nào đó. Tưởng Mục Lương có tập truyện ngắn *Quặng Stibium*, *Làm đêm* và truyện vừa *Hạn*. Tiểu thuyết phần lớn lấy đề tài nổi khổ và sự đấu tranh của nông dân. Ông cũng viết về đề tài thợ mỏ, quân đội cũ và viên chức nhà nước ... Tác phẩm của ông không có những tình tiết quanh co phức tạp, ly kỳ giật gân, nhưng lại có thể qua những mẫu chuyện ngắn gọn, thể hiện được những mâu thuẫn xã hội gay gắt. Kháng chiến bùng nổ, Tưởng Mục Lương chủ yếu làm công tác thông tin báo chí.

Thời đó, hoạt động nhiều và có tiếng tăm còn có Đinh Linh¹. Đinh Linh xuất thân trong một gia đình thân hào sa sút, từ thời còn là học sinh đã chịu ảnh hưởng của nhiều trào lưu tư tưởng sau Ngũ tứ. Mùa thu năm 1927, sau thất bại của đại cách mạng, Đinh Linh bắt đầu sáng tác trong nỗi day dứt bàng hoàng đau khổ. Đinh Linh đã khái quát tâm trạng mình khi bước vào cuộc đời sáng tác như sau: “Có ý chí phản nghịch (chống lại giai cấp xuất thân – ND) rất mạnh, ... nhưng lại xa rời hàng ngũ cách mạng, đi đến một sự phẫn nộ và đau khổ cô độc”². Tâm trạng này đã để lại dấu vết rõ ràng trong tác phẩm thời kỳ đầu của Đinh Linh. Truyện ngắn đầu tiên được chú ý của bà là *Nhật ký của nữ sĩ Sa Phỉ* ra mắt đầu năm 1928. Trước sau năm 1930, nhờ ảnh hưởng của tình thế cách mạng, lại được Tả liên trực tiếp giúp đỡ, khuynh hướng sáng tác của Đinh Linh bắt đầu thay đổi. *Thượng Hải mùa xuân năm 1930* viết về cô thanh niên trí thức Mỹ Lâm, bị cuốn hút bởi tình thế cách mạng phát triển mạnh mẽ nên cô dứt khoát dứt bỏ cuộc sống và tình yêu tầm thường, trong thực tế đấu tranh cô phát hiện được niềm vui mới. Truyện vừa *Nước* viết năm 1931 lấy bối cảnh là nạn lụt lớn xảy ra ở 16 tỉnh trong năm đó để phản ánh những người nông dân Hồ Nam trước thiên tai chưa từng có, ngầm nói sự bóc lột áp bức giai cấp trên thực tế còn tác hại hơn nạn lụt. Truyện vừa này nhờ tính chiến đấu của chủ đề và tính hiện thực của đề tài, được độc giả đánh giá cao và đã có ảnh hưởng khá lớn. Sau đó, Đinh Linh còn viết một số truyện ngắn: *Tin tức* viết về một đám vợ con công nhân nóng lòng mong đợi tin thắng lợi của cách mạng, *Chạy* qua tình cảnh mấy nông dân không thể sống ở nông thôn được nữa, chạy ra thành phố nhưng vẫn không sao tìm ra được việc làm, tác giả gián tiếp phản ánh tình hình nghiêm trọng là kinh tế thành thị, nông thôn đều đứng trước nguy cơ sụp đổ, để nói lên tình thế cách mạng đang chín muồi.

Sáng tác trước cả Trương Thiên Dực và ở thời kỳ này có những thành tựu mới được chú ý là Ngụy Kim Chi, Bành Gia Hoàng ... Ngụy Kim Chi (1900 – 1972) có *Vú em*, *Tay cờ trắng* nổi tiếng. Bành Gia Hoàng (?-1933) phong cách gần giống Ngụy Kim Chi. Có các tập truyện ngắn *Xúi giục*, *Bão tố trong chén trà*, *Tin vui* ... với bút pháp tinh tế, trong sáng, cho thấy sự bất mãn và kháng nghị của tác giả đối với thế cục.

Xuất hiện sau Trương Thiên Dực ít lâu, có thành tựu nổi bật về sáng tác tiểu thuyết là Ngải Vu và Sa Đình. Ngải Vu³ tên thật là Thang Đạo Canh. Khi phong trào Ngũ tứ nổ ra, Ngải Vu còn là một học sinh nhỏ, nhưng sau này ông nói Ngũ tứ “đã ảnh hưởng đến tôi không ít”, tôi “luôn luôn đọc *Tân trào*, *Tân thanh niên* và *Thiếu niên Trung Quốc*, hiểu được bao nhiêu thì được, bất kể phải tốn bao sức lực”⁴. Năm 1925, vì bất mãn với nền giáo dục nhà trường cũ và chế độ hôn nhân do cha mẹ quyết định, Ngải

¹ 1904 – 1986 (ND).

² Đinh Linh: *Cuộc đời của một con người chân thật – Nhân dân văn học*, số 2, quyển 3.

³ 1904 – 1992 (ND).

⁴ Lời tựa *Tuyển tập truyện ngắn Ngải Vu*.